

CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI KHÁNH HOÀ

-----\*-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**của cơ sở**

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN KẾT HỢP TRỪNG BÀY VÀ  
BẢO HÀNH SẢN PHẨM XE Ô TÔ**

Địa điểm: Lô số 1, khu vực 2, đường 23/10, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang,  
Tỉnh Khánh Hoà.

*Khánh Hoà, tháng 11 năm 2023*

CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI KHÁNH HOÀ

-----\*-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**của cơ sở**

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN KẾT HỢP TRUNG BÀY VÀ  
BẢO HÀNH SẢN PHẨM XE Ô TÔ**

Địa điểm: Lô số 1, khu vực 2, đường 23/10, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang,  
Tỉnh Khánh Hoà.

**CHỦ CƠ SỞ**

**CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ  
TRƯỜNG HẢI KHÁNH HOÀ**

*Khánh Hoà, tháng 11 năm 2023*

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>i</b>
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT</b> .....	<b>iv</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG</b> .....	<b>v</b>
<b>DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ</b> .....	<b>vi</b>
<b>Chương I</b> .....	<b>1</b>
<b>THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ</b> .....	<b>1</b>
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	9
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	9
5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở .....	13
5.3. Nhu cầu lao động.....	14
<b>Chương II</b> .....	<b>15</b>
<b>SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,</b> .....	<b>15</b>
<b>KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>15</b>
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	15
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	15
2.1. Khả năng chịu tải của môi trường không khí.....	15
2.2. Khả năng chịu tải của môi trường nước mặt .....	16
<b>Chương III</b> .....	<b>18</b>
<b>KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	<b>18</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	18
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	18
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	19
1.3. Xử lý nước thải.....	20
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	24

2.1. Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở .....	24
2.2. Xử lý bụi, khí thải từ công đoạn sơn xe .....	25
2.3. Xử lý khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng .....	25
2.4. Giảm thiểu mùi hôi các khu vực khác .....	25
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	26
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	26
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường .....	27
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất nguy hại.....	27
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.....	29
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	29
6.1. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động.....	29
6.2. Các biện pháp giảm thiểu sự cố tai nạn lao động .....	30
6.3. Các biện pháp phòng chống cháy nổ.....	30
6.4. Các biện pháp giảm thiểu sự cố phòng sơn xe .....	32
6.5. Các biện pháp giảm thiểu và phòng chống khi hệ thống XLNT gặp sự cố .....	32
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	34
<b>Chương IV.....</b>	<b>35</b>
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>35</b>
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải .....	35
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải: Không .....	36
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn .....	36
3.1. Nguồn phát sinh.....	36
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	36
3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung .....	36
<b>Chương V .....</b>	<b>37</b>
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>37</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	37
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải .....	38
<b>Chương VI.....</b>	<b>40</b>
<b>CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>40</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	40
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	40
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	40
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	40

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở .....	40
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	40
<b>Chương VII.....</b>	<b>41</b>
<b>KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....</b>	<b>41</b>
<b>Chương VIII .....</b>	<b>42</b>
<b>CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>42</b>
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường .....	42
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan .....	42
2.1. Cam kết đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam trong quá trình hoạt động cơ sở.....	42
2.2. Cam kết thực hiện các luật pháp, các quy định chung về bảo vệ môi trường .....	43
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO .....</b>	<b>44</b>

## **DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
ĐDSH	:	Đa dạng sinh học
HST	:	Hệ sinh thái
NĐ-CP	:	Nghị định của Chính phủ
QH	:	Quốc hội
CP	:	Cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một Thành Viên
TP	:	Thành phố
XLNT	:	Xử lý nước thải
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
HTXLKT	:	Hệ thống xử lý khí thải
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	:	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
TT-BXD	:	Thông tư của Bộ Xây dựng
QCVN	:	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TT-BTNMT	:	Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Toạ độ mốc ranh giới của cơ sở.....	2
Bảng 1.2. Công suất hoạt động của cơ sở.....	3
Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng của cơ sở.....	7
Bảng 1.4. Lượng điện tiêu thụ của cơ sở.....	8
Bảng 1.5. Lượng nước tiêu thụ của cơ sở .....	8
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.....	9
Bảng 1.7. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc .....	10
Bảng 1.8. Các hạng mục công trình chính của cơ sở.....	10
Bảng 1.9. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng của cơ sở .....	14
Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng lao động của cơ sở.....	14
Bảng 2.1. Phân bố dòng chảy năm trên sông Quán Trường.....	16
Bảng 2.2. Kết quả phân tích mẫu nước mặt tại sông Quán Trường vào ngày 18/9/2023 .....	17
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của các hạng mục trong hệ thống XLNT.....	23
Bảng 3.2. Máy móc, thiết bị sử dụng cho hệ thống XLNT.....	23
Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.....	28
Bảng 3.4. Nguyên nhân và cách khắc phục một số sự cố trong quá trình vận hành các bể của HTXLNT.....	33
Bảng 3.5. Nguyên nhân, cách khắc phục một số sự cố trong quá trình vận hành thiết bị .....	34
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải trong quá trình hoạt động của cơ sở .....	35

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vị trí cơ sở trên ảnh vệ tinh Google Earth.....	1
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ bảo hành, sửa chữa.....	4
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ sơn.....	5
Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ bảo dưỡng định kỳ.....	6
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở.....	18
Hình 3.2. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở.....	18
Hình 3.3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải.....	19
Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	20
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo của bể tách dầu mỡ.....	21
Hình 3.6. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.....	22
Hình 3.7. Một số hình ảnh về hệ thống XLNT công suất 15 m <sup>3</sup> /ngày đêm.....	24
Hình 3.8. Phân loại chất thải rắn tại cơ sở.....	26
Hình 3.9. Kho chứa rác thải của cơ sở.....	27
Hình 3.10. Một số hình ảnh về công tác PCCC tại cơ sở.....	32



## Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ TRƯỜNG HẢI KHÁNH HOÀ.**
- Địa chỉ văn phòng: Lô số 1, Khu vực 2, Đường 23/10, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Bà) Nguyễn Thiện Mỹ.  
Chức danh: Chủ tịch Công ty.
- Điện thoại: 0258 625 2000 Fax: 0258 625 4444
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4201947101 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp đăng ký lần đầu ngày 07/01/2022.

### 2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN KẾT HỢP TRƯNG BÀY VÀ BẢO HÀNH SẢN PHẨM XE Ô TÔ**
- Địa điểm cơ sở: Lô số 1, Khu vực 2, Đường 23/10, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.
  - + Cơ sở được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 5.434,50 m<sup>2</sup>.
  - + Vị trí tiếp giáp các khu vực xung quanh của cơ sở như sau:
    - Phía Nam giáp với sông Quán Trường.
    - Phía Bắc giáp với đường 23/10.
    - Phía Tây giáp với sông Quán Trường.
    - Phía Đông giáp với đường Cầu Dứa Phú Nông, giáp nhà dân.



Hình 1.1. Vị trí cơ sở trên ảnh vệ tinh Google Earth

+ Toạ độ ranh giới của cơ sở được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1.1. Toạ độ mốc ranh giới của cơ sở

Điểm	Toạ độ (hệ VN2000)	
	X (m)	Y (m)
1	1355437,69	599327,27
2	1355445,14	599398,17
3	1355440,74	599403,37
4	1355394,37	599404,31
5	1355392,17	599404,34
6	1355390,11	599381,16
7	1355383,88	599380,63
8	1355383,26	599367,29
9	1355391,31	599317,82
10	1355393,36	599315,33
11	1355408,53	599298,99
12	1355426,79	599287,58
13	1355429,85	599288,48
14	1355431,39	599290,93
15	1355434,01	599297,03
16	1355436,65	599319,69

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:
  - + Giấy phép xây dựng số 51/GPXD-SXD ngày 06/05/2015 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp cho Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải.
  - + Văn bản số 911/UBND-XDND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc Thoả thuận phương án quy hoạch, kiến trúc Văn phòng đại diện kết hợp trung bày, bảo hành sản phẩm ô tô của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải.
  - + Giấy chứng nhận thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy số 140/TDPCCC ngày 31/12/2014 do Bộ Công An tỉnh Khánh Hoà cấp.
  - + Văn bản số 63/SC PCCC (P2) ngày 14/01/2016 về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình Văn phòng đại diện kết hợp trung bày, bảo hành sản phẩm ô tô.
  - + Hợp đồng thuê đất số 104/2015/HĐTĐ ngày 03/07/2015 giữa UBND tỉnh Khánh Hoà và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải.
  - + Hợp đồng thuê số 37.22/HĐT-THACO-TAKH ngày 28/02/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải và Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà.
  - + Thông báo số 1040/TB-UBND-TNMT ngày 24/12/2014 của UBND thành phố Nha Trang về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: Văn phòng đại diện kết hợp trung bày và bảo hành sản phẩm xe ô tô.

- + Hợp đồng số 4291/2023/HĐ-TGVCXLRTSH ngày 03/01/2023 về thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt.
- + Hợp đồng số 83/2023/HĐKT-KH ngày 08/02/2023 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
- + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2130/QĐ-UBND ngày 17/08/2020 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp.
- + Giấy xác nhận đã hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải số 21/2016/CTVN ngày 24/8/2016.
- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
  - + Cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm C – với tổng vốn đầu tư là 33.664.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ, sáu trăm sáu mươi bốn triệu đồng chẵn).
  - + Cơ sở đang hoạt động thuộc dự án nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

#### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở là trung tâm trưng bày các dòng xe như Kia, Mazda, Peugeot, ... bên cạnh đó trung tâm cũng phục vụ các dịch vụ như sửa xe, bảo hành xe, rửa xe cho khách hàng.

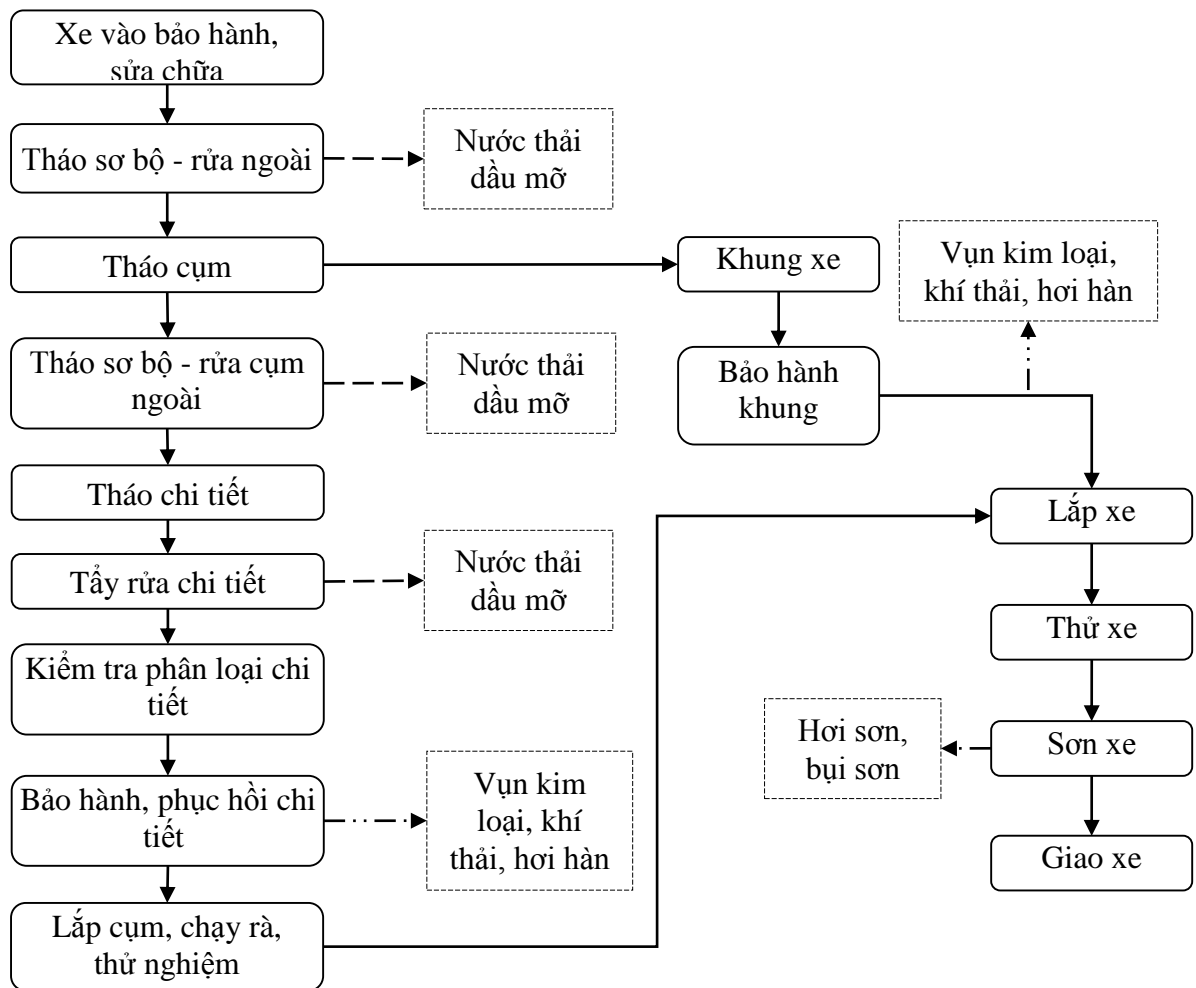
Bảng 1.2. Công suất hoạt động của cơ sở

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng
1	Bán xe	Chiếc/năm	1.898
2	Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng	Chiếc/năm	39.176
2.1	Sửa chữa lớn (máy đồng sơn,...)	Chiếc/năm	15.670,4
2.2	Sửa chữa nhỏ (thay phụ tùng; sơn dặm, ...)	Chiếc/năm	11.752,8
2.3	Bảo dưỡng định kỳ (thay nhớt, lọc, ...).	Chiếc/năm	11.752,8
3	Rửa xe	Chiếc/năm	20.000

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

#### a) Quy trình công nghệ bảo hành, sửa chữa ô tô của cơ sở

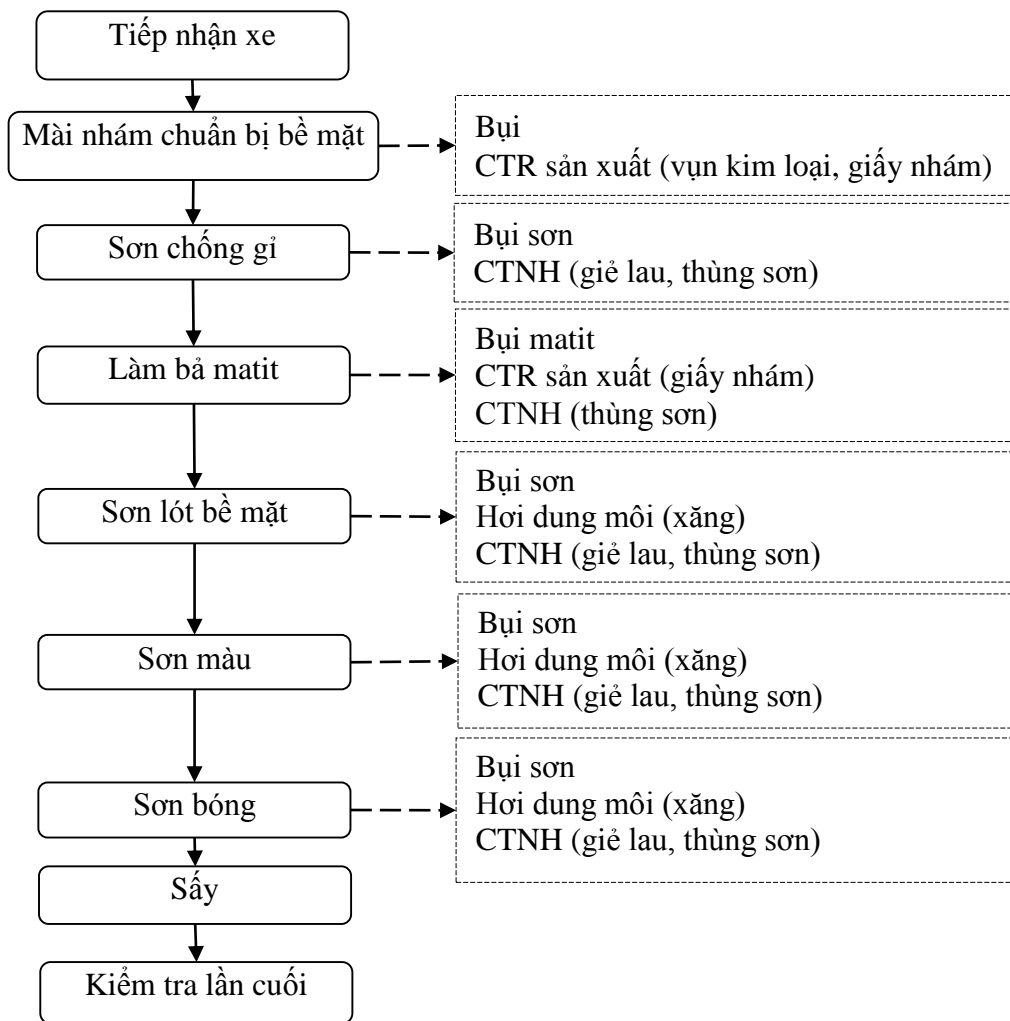


Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ bảo hành, sửa chữa

#### Thuyết minh quy trình:

Xe của khách có nhu cầu bảo hành, sửa chữa sẽ được đưa vào xưởng sửa chữa. Sau đó, xe được tháo sơ bộ thành các cụm hoặc các chi tiết lớn (như khung xe, sườn xe...) thành các chi tiết nhỏ hơn trước khi đem đi kiểm tra chỗ hư hỏng để tiến hành sửa chữa. Các chi tiết được tẩy rửa và được phân loại rồi mới đem đi kiểm tra (bằng nước để làm chi tiết). Sau khi kiểm tra xong, những chi tiết máy hư hỏng sẽ được đem đi sửa chữa, phục hồi hoặc thay mới. Sau công đoạn phục hồi, sửa chữa hoặc thay mới thì các chi tiết máy, thiết bị máy móc sẽ được lắp cụm, chạy rà thử nghiệm. Nếu sau khi thử nghiệm đạt, các bộ phận này cùng với khung sẽ được lắp vào xe, tiếp đến là kiểm tra xe một lần nữa trước khi giao trả lại cho khách.

### b) Quy trình công nghệ sơn



Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ sơn

### Thuyết minh quy trình

Khi tiếp nhận xe, nhân viên tại cơ sở sẽ kiểm tra kỹ phần bề mặt, đánh dấu khu vực cần xử lý. Tiếp đến là gò, hàn (đối với trường hợp bị móp méo), mài nhám và vệ sinh bề mặt. Nếu không được làm sạch và mài nhẵn thì lớp sơn sơn lên sẽ không đẹp, đều. Sau bước mài nhám sẽ đến giai đoạn sơn chống gỉ, mục đích là để bảo vệ bề mặt kim loại khi bị ăn mòn. Để lấp đầy, trám khu vực bị lõm hỏng vào tạo đường nét phù hợp cho ô tô thì nhân viên sẽ thực hiện giai đoạn làm bả matit. Sau khi làm bả matit sẽ thực hiện sơn lót trên bề mặt giúp chống độ hút của matit, với mục đích là tăng cường độ bền màu. Tiếp đến là giai đoạn phun màu sơn. Giai đoạn sơn lót bề mặt và sơn màu được thực hiện trong buồng sơn kín có thiết kế hệ thống xử lý bụi sơn, mùi, hơi dung môi... Sau khi sơn cần sấy đúng thời gian và nhiệt độ theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm bảo vệ lớp sơn. Cuối cùng là đánh bóng toàn bộ vỏ bằng máy chuyên dụng trước khi kiểm tra lần cuối và bàn giao lại cho khách.

Quá trình sơn lót bề mặt, sơn màu và sơn bóng đều dùng súng phun sơn để sơn, lượng sơn được pha vừa đủ trước khi tiến hành. Vậy nên, lượng sơn thừa sau quá trình sơn hầu như không có. Nếu có sơn thừa, lượng sơn này sẽ được bảo quản để sử dụng cho lần bảo hành sửa chữa tiếp theo.

### Các bước thực hiện quy trình công nghệ phòng sơn Saima:

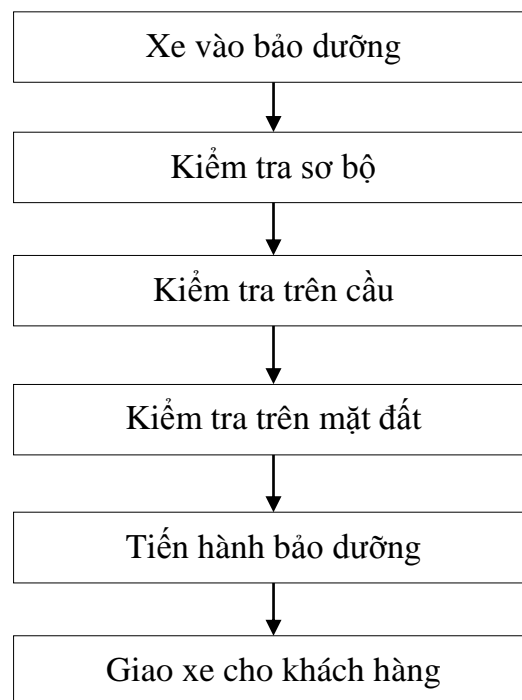
❖ **Quy trình sơn cho sơn gốc dầu:**

- **Bước 1.** Bật công tắc nguồn, kiểm tra điện áp đầu vào cả 3 pha phải từ 370~400V.
- **Bước 2.** Xe hoặc phụ tùng đem sơn phải được xử lý, làm sạch từ bên ngoài và sẵn sàng cho công đoạn sơn.
- **Bước 3.** Đóng kín mọi cửa phòng, mở khí nén (từ 6~10 bar), bật đèn trần chiếu sáng và khởi động bộ cấp hút, gió sẽ được thổi từ trần xuống. Mức chênh áp trong phòng sơn so với bên ngoài xem trên đồng hồ áp suất hoặc áp kế kiểu cột nước, phải đảm bảo luôn dương so với ngoài trời một chút, giá trị cho phép từ 0~49 Pa (0 ~5 mm H<sub>2</sub>O).
- **Bước 4.** Nếu nhiệt độ ở ngoài thấp và độ ẩm cao nên bật bộ sấy tới nhiệt độ từ 20~25°C để việc sơn có hiệu quả nhất.

❖ **Quy trình sấy cho sơn gốc dầu:**

- **Bước 1.** Đảm bảo không còn người bên trong phòng, đóng kín các cửa phòng.
- **Bước 2.** Mức dầu Diesel trong thùng đảm bảo tối thiểu là 10 lít, cài đặt nhiệt độ sấy khoảng 60°C.
- **Bước 3.** Đặt thời gian sấy từ 30~60 phút và bật chế độ sấy. Đèn chiếu sáng trong phòng sẽ tự động tắt, đầu đốt sẽ hoạt động và nhiệt độ trong phòng sẽ tăng dần tới nhiệt độ cài đặt.
- **Bước 4.** Khi hết thời gian sấy, bộ cấp hút hoạt động thêm khoảng 5~10 phút để làm mát, sau đó mới tắt khoá điện. Chờ thêm khoảng 15 phút cho nhiệt độ về bình thường mới được mở cửa để vào trong phòng.

c) **Quy trình công nghệ bảo dưỡng định kỳ**



Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ bảo dưỡng định kỳ

### Thuyết minh quy trình:

Xe của khách hàng có nhu cầu bảo dưỡng định kỳ sẽ được đưa vào xưởng bảo dưỡng. Sau đó nhân viên sẽ kiểm tra sơ bộ của xe thông qua khoang động cơ và bên trong của xe. Tiếp đến sẽ kiểm tra gầm cầu trên thiết bị cầu nâng và kiểm tra trên mặt đất (lái xe trên đường) để xác định tình trạng xe. Sau khi kiểm tra, nhân viên sẽ tiến hành bảo dưỡng các thiết bị cần thiết như là vệ sinh lọc gió, thay nhớt, dầu thắng.... Xe sau khi bảo dưỡng sẽ được giao cho khách hàng.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Kinh doanh xe, trang thiết bị, phụ tùng thay thế.
- Cung cấp dịch vụ bảo hành sửa chữa xe theo quy trình quy định của hãng.
- ❖ *Hạng mục bảo dưỡng định kỳ:*
  - ✓ Dịch vụ thay dầu động cơ
  - ✓ Dịch vụ kiểm tra xe định kỳ theo quy chuẩn.
  - ✓ Bảo dưỡng thay lọc gió động cơ.
  - ✓ Bảo dưỡng thay lọc nhiên liệu (cho động cơ diesel)
  - ✓ Bảo dưỡng thay lọc gió điều hòa.
  - ✓ Bảo dưỡng thay dầu phanh.
- ❖ *Hạng mục bảo dưỡng hao mòn tự nhiên:*
  - ✓ Bảo dưỡng phanh trước (bao gồm má phanh và / hoặc đĩa phanh mòn).
  - ✓ Bảo dưỡng phanh sau (bao gồm má phanh và / hoặc đĩa phanh mòn).
  - ✓ Thay ly hợp (khi cần thiết).
  - ✓ Thay cao su gạt mưa (khi cần thiết, tối đa một lần cho mỗi năm trong hợp đồng).
  - ✓ Bảo dưỡng thay bugi (cho động cơ xăng).

### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

#### a) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng của cơ sở

Cơ sở đơn thuần là Văn phòng đại diện kết hợp trưng bày và bảo hành sản phẩm xe ô tô nên hầu như ít tiêu thụ nguyên liệu, nhiên liệu.

Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu của cơ sở được trình bày trong bảng dưới đây:

*Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng của cơ sở*

STT	Nguyên, nhiên, vật liệu	Đơn vị	Số lượng
1	Sơn các loại	Kg/tháng	90
2	Dung môi các loại	Kg/tháng	500
3	Xăng (dầu) dùng để rửa các chi tiết	Lít/tháng	12
4	Mỡ bôi trơn	Tuýp/tháng	235
5	Các nhiên liệu khác (Nhớt máy, nhớt cầu hộp số, dầu thắng...)	Lít/ tháng	2995
6	Lưới lọc bụi (Hệ thống xử lý khí thải phòng sơn)	Mét/năm	573
7	Giấy nhám các loại	Tờ/tháng	777
8	Băng keo các loại	Cuộn/tháng	559

9	Mattic	Kg/tháng	70
10	Sơn lót các loại	Kg/tháng	25

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

### b) Hóa chất sử dụng của cơ sở

Cơ sở không sử dụng hóa chất phục vụ cho xử lý môi trường vì hệ thống xử lý nước thải của cơ sở áp dụng công nghệ lọc sinh học và tiệt trùng bằng tia cực tím.

### c) Nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

#### ❖ Nguồn cung cấp điện

Nguồn điện của cơ sở do Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà cấp. Hiện khu vực sử dụng nguồn điện quốc gia thông qua đường dây dẫn điện 03 pha nối với trạm biến áp 400 KVA. Tổng công suất tiêu thụ điện trung bình của cơ sở khoảng 33.127 kWh/tháng.

Tại đầu ra của nguồn điện được bố trí trong các tủ điện được đặt các vị trí thuận lợi phục vụ cho việc bảo hành.

Lượng điện tiêu thụ của cơ sở trong các tháng gần đây được thống kê như sau:

Bảng 1.4. Lượng điện tiêu thụ của cơ sở

STT	Thời gian	Đơn vị	Lượng điện tiêu thụ	
			Tháng	Ngày
1	Tháng 7/2023	kWh	31.910	1.063
2	Tháng 8/2023	kWh	35.310	1.177
3	Tháng 9/2023	kWh	32.160	1.072
<b>Trung bình cộng (kWh)</b>			<b>33.127</b>	<b>1.104</b>

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

#### ❖ Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước:

Nguồn nước cấp cho hoạt động cơ sở được lấy từ mạng lưới cấp nước của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà. Hệ thống cấp nước được thiết kế theo mạng vòng và được bố trí dọc theo các tuyến của khu bảo hành, sửa chữa. Cơ sở không khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất.

Lưu lượng nước được tính toán theo các tiêu chuẩn dùng nước 45 lít/người/ngày đêm. Lượng nước tiêu thụ của cơ sở trong các tháng gần đây được thống kê như sau:

Bảng 1.5. Lượng nước tiêu thụ của cơ sở

STT	Thời gian	Đơn vị	Lượng nước tiêu thụ	
			Tháng	Ngày
1	Tháng 7/2023	m <sup>3</sup>	584	19,5
2	Tháng 8/2023	m <sup>3</sup>	666	22,2
3	Tháng 9/2023	m <sup>3</sup>	610	20,3
<b>Trung bình cộng (m<sup>3</sup>)</b>			<b>620</b>	<b>20,7</b>

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)



Theo hoá đơn tiền nước sử dụng của 03 tháng mùa cao điểm (Tháng 7 – Tháng 9/2023), nhu cầu sử dụng nước của cơ sở trung bình khoảng 620 m<sup>3</sup>/tháng ~ 20,7 m<sup>3</sup>/ngày. Trong đó, lượng nước cấp sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt chiếm khoảng 50% tổng lượng nước cấp sử dụng cho hoạt động của toàn cơ sở (bao gồm sinh hoạt, tưới cây, rửa đường, PCCC, bảo dưỡng sửa chữa xe,...). Như vậy:

- Tổng lượng nước cấp sử dụng cho sinh hoạt khoảng 10,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Tổng lượng nước cấp dùng cho sản xuất: hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa xe khoảng: 2,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Tổng lượng nước cấp dùng để làm mát, rửa đường, tưới cây, PCCC khoảng: 7,7 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Hạng mục	Nhu cầu sử dụng (m <sup>3</sup> / ngày)
1	Nước cấp sinh hoạt (gồm CBCNV và khách)	10,4
2	Nước cấp dùng cho sản xuất: bảo dưỡng, sửa xe	2,6
3	Nước cấp dùng làm mát, rửa đường, tưới cây, PCCC	7,7
<b>Tổng lưu lượng nước sử dụng</b>		<b>20,7</b>

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

**Ghi chú:** Theo điểm a, khoản 1 và khoản 2 Điều 39 Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng:

- Khối lượng nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% khối lượng nước sạch (nước cấp).
- Khối lượng nước thải khác (nước thải sản xuất) được tính bằng 80% khối lượng nước sạch (nước cấp).

Vậy tổng lượng nước cấp dùng cho sinh hoạt và sản xuất của cơ sở khoảng 13 m<sup>3</sup>/ngày. Do đó lượng nước thải phát sinh là 12,48 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Chủ cơ sở đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm và đã được phê duyệt trong đăng ký cam kết bảo vệ môi trường.

## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở được xây dựng trên khu đất tổng diện tích 5.434,5 m<sup>2</sup>. Chi tiêu quy hoạch kiến trúc được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.7. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc

STT	Thông số quy hoạch	Giá trị	Đơn vị
1	Diện tích khu đất	5.434,5	m <sup>2</sup>
2	Diện tích đất cây xanh	1.529,89	m <sup>2</sup>
3	Giao thông + Bãi đỗ xe	1.555,02	m <sup>2</sup>
4	Mật độ xây dựng	46	%
5	Chiều cao công trình từ cốt ±0.0	12.150	m
6	Chiều cao tối đa công trình	15.75	m
7	Số tầng	03 tầng (01 bán hầm, 01 trệt, 01 lầu)	tầng

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

### 5.1.1. Các hạng mục công trình chính của cơ sở

Các hạng mục được quy hoạch hoàn chỉnh của cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 1.8. Các hạng mục công trình chính của cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Tầng bán hầm</b>	<b>5.434,5</b>
1	Phòng làm việc Kia bán hầm	32
2	Khu vực trưng bày	400
3	Phòng chờ DVPT Kia	64
4	Phòng tiếp VIP	32
5	Đường giao thông	2.310,5
6	Kho xe	782
7	Kho rác thải	34
8	Phòng tháo lắp tổng thành	60
9	Kho phụ tùng Kia	60
10	Phòng DV Kia	68
11	Xưởng SC kia	512
12	Kho cấp phát PT Kia + P.QĐ	30
13	WC	176
14	Phòng giao xe Kia	34
15	Phòng rửa xe	30
16	Thang nâng	60
17	Nhà bảo vệ	8
18	Phòng máy nén khí	30
19	Nhà để xe	628
20	Căn tin	84
<b>II</b>	<b>Tầng trệt</b>	<b>4.008,5</b>
1	Phòng làm việc Mazda	48
2	Phòng tiếp VIP	64
3	Phòng chờ DVPT Mazda	96

4	Thang máy	48
5	Phòng trưng bày tầng 1	640
6	Phòng làm việc DVPT	68
7	WC	58,4
8	Phòng giao xe Mazda	42,5
9	Phòng rửa xe	30
10	Kho PT + P.QĐ	31
11	Kho PT mới Mazda	20,8
12	Kho nhót	20,8
13	Khu vực tiếp nhận	76
14	Khu vực đậu xe khách	100
15	Xưởng SC Mazda	946
16	Thang nâng	60
17	Đường giao thông	1659
<b>III</b>	<b>Tầng 1</b>	<b>1.968</b>
1	Phòng làm việc Peugeot	32
2	Phòng tiếp VIP	64
3	Phòng NV+ GD	64
4	Phòng Họp	32
5	Kho KT	16
6	WC	44.4
7	Thang nâng	60
8	Phòng trưng bày tầng 2	640
9	Kho sơn	10.4
10	Xưởng đồng sơn	1005.2
<b>Tổng diện tích sàn</b>		<b>11.411 (m<sup>2</sup>)</b>

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

### 5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở

#### a) Hệ thống điện

Nguồn điện cấp cho hệ động lực công trình là nguồn 3 pha 5 dây 380/220V từ 01 máy biến áp đặt trong khuôn viên cơ sở. Cơ sở không sử dụng máy phát điện dự phòng.

Nguồn điện cấp cho hệ thống điều hòa không khí và thông gió công trình là nguồn 3 pha 5 dây 400/220V từ tủ điện tổng MSB của công trình.

Nguồn điện cấp cho hệ thống điều hòa không khí và thông gió công trình hoạt động độc lập. Mỗi hệ được cấp nguồn điều khiển riêng và được cấp nguồn dự phòng.

Hệ thống ổ cắm bố trí phù hợp tùy vào bố trí thiết bị, nội thất và công năng từng khu vực trong công trình. Bán kính phục vụ mỗi ổ cắm này không quá 8m, thích hợp cung cấp điện cho các dụng cụ cầm tay. Cao độ lắp đặt ổ cắm là 350mm tính từ mặt sàn hoàn thiện đến tâm mặt che ổ cắm ngoại trừ những vị trí được chỉ định khác. Mỗi tuyến ổ cắm phải được đi ba dây: 1 pha, 1 trung tính & 1 tiếp đất riêng biệt về tủ điện phân phối.

## **b) Hệ thống chiếu sáng**

Hệ thống chiếu sáng công trình được thiết kế sao cho đảm bảo được yêu cầu về độ sáng, đảm bảo yếu tố kỹ thuật và mỹ thuật của công trình.

## **c) Hệ thống thông tin liên lạc**

Hệ thống thông tin liên lạc, bao gồm các phần sau: Hệ thống mạng điện thoại nội bộ IP; hệ thống mạng máy tính, Internet; hệ thống an ninh gồm Camera quan sát; hệ thống âm thanh thông báo công cộng.

### **❖ Hệ thống mạng điện thoại**

Hệ thống mạng điện thoại nội bộ IP được thiết kế nhằm đảm bảo liên lạc trong nội bộ tòa nhà và liên lạc ra bên ngoài. Mạng điện thoại IP bao gồm: Tổng đài IP đặt tại phòng IT tầng trệt, từ Tổng đài IP chính cấp về các vị trí trong công trình bằng cáp mạng Lan UTP Cat6. Từ nhà mạng cấp vào tủ chính là cáp quang thông qua Modem nhà mạng kết nối đến tổng đài IP. Khu vực cơ sở đã được phủ sóng điện thoại Vinaphone, Mobiphone và lắp đặt hệ thống cáp quang liên tỉnh.

### **❖ Hệ thống mạng máy tính**

Sử dụng máy chủ, các máy đơn kết nối và trao đổi thông tin với mạng thông qua máy chủ. Hệ thống mạng máy tính được đi trong cùng 1 sợi cáp với hệ thống mạng điện thoại IP. Thiết bị Switch đặt tại phòng IT tại tầng trệt để truyền tải tín hiệu data.

### **❖ Hệ thống camera**

Hệ thống Camera quan sát được thiết kế và lắp đặt phải là hệ thống có độ tin cậy cao, đảm bảo vận hành liên tục 24 giờ/ngày. Hệ thống camera được trang bị nhằm phục vụ cho công tác quản lý, giám sát của tòa nhà. Vị trí quan sát đặt tại phòng bảo vệ và phòng quản lý tòa nhà.

### **❖ Hệ thống âm thanh thông báo công cộng**

Hệ thống âm thanh được phân chia thành nhiều phân vùng loa khác nhau theo công năng từng khu vực để tiện cho việc điều khiển. Hệ thống âm thanh được thiết kế với các chức năng: thông báo, phát thanh di tản khi có sự cố của tòa nhà và nhạc nền.

Âm thanh thông báo, di tản và nhạc nền được áp dụng cho khu vực căn tin nhân viên, khu trưng bày, tầng hầm, khu vực kỹ thuật, hành lang hội trường triển lãm xe để tiện cho việc thông báo đến từng khu vực cần thiết. Ngoài chức năng giao tiếp tới hệ thống báo cháy, hệ thống có khả năng kết nối một thiết bị khác như mi-crô, đầu đĩa, máy chủ âm nhạc.

## **d) Hệ thống điều hòa không khí**

- Sử dụng máy lạnh cục bộ, dàn lạnh loại casset âm trần cho khu kinh doanh, văn phòng, khách chờ.
- Các phòng không có máy lạnh thực hiện thông gió đối lưu bằng quạt hút.
- Sử dụng hệ thống điều hòa trung tâm cho khu trưng bày.
- Các khu vệ sinh được thông gió bằng quạt hút âm tường.
- Tầng hầm thực hiện thông gió bằng hệ thống quạt hút nối ống gió và quạt jetfan gắng trần đảm bảo thông gió và hút khói khi có cháy.

## e) Hệ thống PCCC

### ❖ Hệ thống báo cháy

Hệ thống báo cháy tự động được lắp đặt nhằm tăng cường biện pháp bảo vệ an toàn tài sản. Hệ thống báo cháy được thiết kế theo TCVN 2622:1995. Hệ thống bao gồm:

- 01 tủ trung tâm báo cháy 10 Zones có tác dụng xử lý các tín hiệu từ các thiết bị như đầu báo khói, báo nhiệt, v.v. Đưa vào và phát tín hiệu báo động ra còi. Tủ trung tâm được đặt tại khu vực tiếp tân và được giám sát 24/24h.
- 04 đầu báo Beam, 02 đầu báo khói và 155 đầu báo nhiệt được gắn ở các vị trí thích hợp theo bản vẽ thiết kế có tác dụng phát hiện sớm khi có sự cố cháy.
- 07 chuông báo động được trang bị để phát tín hiệu báo động khi có cháy.
- 12 công tắc khẩn được đặt cách sàn 1,5m.
- Dây thiết bị 02 ruột, 04 ruột liên kết các thiết bị thành 1 hệ thống hoàn chỉnh.

### ❖ Hệ thống cấp nước chữa cháy

Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế theo TCVN 2622:1995, TCVN 5760:1993: Phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình. Áp lực đầu lặn phun phải đảm bảo khi mở họng chữa cháy phải đạt  $2.5 \text{ kg/cm}^2/1$  lạng hoặc chiều cao cột nước phải đạt 10m (Tia nước tính từ đầu lặn phun). Chiều cao tâm họng chữa cháy đặt cách mặt sàn nhà là 1,25m.

Nguồn nước cho hệ thống chữa cháy được cấp từ hồ nước  $30 \text{ m}^3$  của công trình. Cụm bơm chữa cháy gồm: 01 máy bơm điện  $Q = 30 \text{ m}^3/\text{h}$ ,  $H = 45 \text{ m}$  và 01 máy bơm Diesel  $Q = 30 \text{ m}^3/\text{h}$ ,  $H = 45 \text{ m}$ .

Hộp chữa cháy có kích thước  $600 \times 400 \times 220 \text{ m}$ , các hộp được trang bị 1 van, 1 cuộn vòi chữa cháy D50,  $L = 20 \text{ m}$ , 1 lạng phun D13 đặt ở các vị trí thuận lợi để tiện cho việc chữa cháy. Ngoài ra công trình còn được trang bị bảng nội quy tiêu lệnh PCCC và phương tiện chữa cháy bằng tay như: Bình chữa cháy khí  $\text{CO}_2 - 5 \text{ kg}$  và Bình chữa cháy bột MZ8 – 8kg.

Nguồn điện 3 pha được cấp đến vị trí đặt cụm bơm và tủ điều khiển hệ thống máy bơm chữa cháy. Nguồn điện cấp cho máy bơm được kết nối với tủ điện chính trước cầu dao tổng của công trình.

## f) Hệ thống chống sét

Kim thu sét là bộ thiết bị thu sét tạo tia tiên đạo, bán kính bảo vệ là 80m. Kim thu sét được gắn trên ống thép tráng kẽm cao hơn điểm cao nhất của toà nhà ít nhất là 4m.

Dây dẫn sét là dây đồng  $70 \text{ mm}^2$ , nối từ kim thu sét xuống bãi tiếp đất có điện trở  $< 10 \text{ Ohm}$  và sẽ được đi trong ống bảo vệ PVC  $\text{Ø}25$ . Khoảng cách an toàn từ dây dẫn sét đến các thành phần bằng kim loại ít nhất là 1,5m, từ dây dẫn sét đến các cáp điện động lực, cáp điện thoại là 1,5m trên mặt đất và 3 m dưới mặt đất. Bố trí trên mỗi dây dẫn sét một hộp kiểm tra tiếp đất gần ở độ cao 1500mm từ mặt đất hoàn thiện.

## 5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

Máy móc, trang thiết bị sử dụng cho cơ sở được trang bị hiện đại, chủ yếu nhập từ trong nước. Số lượng máy móc thiết bị của cơ sở được trình bày ở bảng dưới đây.

Bảng 1.9. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
1	Cầu nâng 2 trụ	Hàn Quốc	Bộ	7
2	Cầu nâng cắt kéo lắp âm sàn	Hàn Quốc	Bộ	14
3	Máy thu hồi và sạc gas lạnh R134a	Hàn Quốc	Bộ	2
4	Máy rửa xe áp lực cao	HIDI	Cái	4
5	Máy hút bụi khô ướt 30 lít	Đài Loan	Cái	4
6	Bình rửa xe bọt tuyết 20 lít	Vimet	Cái	5
7	Máy hỗ trợ khởi động và nạp ắc quy	Italy	Cái	1
8	Multicharger 1500 /Máy sạc ắc quy loại lớn	Đức	Cái	3
9	Thiết bị sạc ắc quy cho xe trưng bày trên Showroom	Đức	Cái	1
10	Hệ thống máy nén khí trực vít	Đức	Bộ	1
11	Thang nâng 4 trụ loại 2 điểm dừng	Trung Quốc	Bộ	2
12	Máy tháo ráp vỏ xe	USA	Bộ	2
13	Máy cân bằng động bánh xe	USA	Bộ	2
14	Thiết bị hứng – hút dầu thải hoạt động khí nén	Ý	Bộ	10
15	Thiết bị nâng hạ bánh xe	Đức	Cái	8
16	Máy thay dầu phanh	Đức	Bộ	1
17	Súng bắn keo silicon nóng	Ý	Cây	1

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

### 5.3. Nhu cầu lao động

Số lượng cán bộ công nhân viên tại cơ sở khoảng 163 người, nhu cầu sử dụng lao động của cơ sở được thể hiện chi tiết tại bảng sau:

Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng lao động của cơ sở

STT	Nguồn nhân lực	Số lượng (người)
1	Cán bộ quản lý	19
2	Cán bộ trực tiếp trong các phân xưởng	131
2.1	Nhân viên nhà trưng bày và bảo hành sửa chữa	4
2.2	Nhân viên văn phòng	73
2.3	Nhân viên kỹ thuật	54
3	Công nhân khác: vệ sinh, bảo vệ	13
<b>Tổng cộng:</b>		<b>163</b>

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

## **Chương II**

# **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Cơ sở “Văn phòng đại diện kết hợp trưng bày và bảo hành sản phẩm xe ô tô” đặt tại địa chỉ số Lô số 1, khu vực 2, xã Vĩnh Hiệp, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, với mục đích chủ yếu làm văn phòng đại diện kết hợp với trưng bày, bán buôn, bán lẻ và bảo hành sản phẩm xe ô tô (Kia, Mazda, BMW, ...)

Cơ sở được triển khai và hoạt động dựa trên các căn cứ sau:

- Giấy phép xây dựng số 51/GPXD-SXD ngày 06/05/2015 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp cho Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2130/QĐ-UBND ngày 17/08/2020 do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp.
- Thông báo số 1040/TB-UBND-TNMT ngày 24/12/2014 của UBND thành phố Nha Trang về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: Văn phòng đại diện kết hợp trưng bày và bảo hành sản phẩm xe ô tô.
- Văn bản số 911/UBND-XDNĐ ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc Thoả thuận phương án quy hoạch, kiến trúc Văn phòng đại diện kết hợp trưng bày, bảo hành sản phẩm ô tô của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải.
- Hợp đồng thuê đất số 104/2015/HĐTĐ ngày 03/07/2015 giữa UBND tỉnh Khánh Hoà và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải.
- Hợp đồng thuê số 37.22/HĐT-THACO-TAKH ngày 28/02/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải và Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà.

Cơ sở phù hợp với Quy hoạch tỉnh Khánh Hoà thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023.

Hiện nay quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, phân vùng môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, do vậy chưa có căn cứ để đánh giá sự phù hợp của cơ sở “Văn phòng đại diện kết hợp trưng bày và bảo hành sản phẩm xe ô tô” với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, phân vùng môi trường.

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

#### **2.1. Khả năng chịu tải của môi trường không khí**

Cơ sở “Văn phòng đại diện kết hợp trưng bày và bảo hành sản phẩm xe ô tô” khi hoạt động sẽ làm phát sinh khí thải phát tán ra môi trường bao gồm: bụi và khí thải từ quá trình hoạt động của khu bảo hành, từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào cơ sở. Tuy nhiên, lượng phát sinh khí thải từ các nguồn này tương đối nhỏ, tạm thời và không đáng kể. Đồng thời, trong quá trình hoạt động, kết quả quan trắc định kỳ khí thải và môi trường không khí xung quanh của cơ sở luôn nằm trong giới hạn cho phép của

quy chuẩn ở tất cả các đợt quan trắc năm 2021-2022 (Kết quả quan trắc định kỳ được trình bày ở chương V và đính kèm phần phụ lục của báo cáo)

Vì vậy, hoạt động của cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường không khí.

## 2.2. Khả năng chịu tải của môi trường nước mặt

Nước thải phát sinh tại cơ sở: nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất (nước thải rửa xe, phòng sơn) được thu gom và xử lý tại HTXLNT công suất 15m<sup>3</sup>/ngày đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>f</sub> = 1,2 và được bơm xả ra cống thoát nước chung của thành phố Nha Trang phía trước cơ sở và tiếp tục tự chảy theo Hệ thống thoát nước chung của thành phố, sau đó xả vào sông Quán Trường tại khu vực xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

### ❖ Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở:

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là sông Quán Trường.

Nước thải sau xử lý của cơ sở được thu gom vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Nha Trang sau đó chảy vào sông Quán Trường ở phía Nam cơ sở. Xung quanh vị trí xả thải không có sông suối, kênh rạch, ao hồ. Việc xả vào nguồn nước tiếp nhận một lượng nước thải sẽ tăng lưu lượng và tốc độ dòng chảy khu vực tiếp nhận và khu vực phía hạ lưu.

Sông Quán Trường còn được gọi là sông Lư Cấm, bắt nguồn từ huyện Diên Khánh ở độ cao nguồn 1.400 m, chảy qua các xã Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thái,... và chảy ra biển theo hướng Tây Nam tại Cửa Bé (cầu Bình Tân). Lưu vực của sông khoảng 210 km<sup>2</sup>, chiều dài 44 km. Độ rộng bình quân của lưu vực sông là 5,3 km. Hệ số hình dạng 0,5.

Hiện nay, trên thượng nguồn đã xây dựng hồ chứa nước Suối Dầu, nhằm cung cấp nước tưới cho 3.700 ha, cấp nước công nghiệp, sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản. Lưu vực của hồ Flv = 120 km<sup>2</sup>, dung tích hồ W = 32.780.000 m<sup>3</sup>

Bảng 2.1. Phân bố dòng chảy năm trên sông Quán Trường

Stt	Tên vùng	Cả năm (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Mùa lũ (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Mùa kiệt (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ mùa lũ (%)	Tỷ lệ mùa kiệt (%)
1	Lư Cấm – Đồng Bò	297,04	203,06	93,98	68,36	31,64

Lưu lượng dòng chảy trung bình của sông Quán Trường là  $Q_s \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$ , tuy nhiên lưu lượng xả nước thải sau xử lý của cơ sở là 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm tương đương 0,00017 m<sup>3</sup>/s là rất nhỏ so với lưu lượng chảy của nguồn tiếp nhận.

### ❖ Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận

Trên thực tế, cơ sở không trực tiếp xả vào nguồn tiếp nhận là sông Quán Trường. Tuy vậy để có cái nhìn tổng quát và đánh giá chất lượng nguồn tiếp nhận thì Công ty đã phối hợp với đơn vị có chức năng phân tích mẫu môi trường định kỳ hàng năm tại sông Quán Trường để kiểm tra phân tích chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải.



Bảng 2.2. Kết quả phân tích mẫu nước mặt tại sông Quán Trường ngày 18/9/2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả ( $C_{mn}$ )	QCVN 08- MT:2015/BTNMT(cột B1)
1	pH	-	6,78	5,5-9
2	TSS	mg/l	25	50
3	COD	mg/l	25	30
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	10	15
5	DO	mg/l	4,75	≥ 4
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	0,33	0,9
7	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	0,006	0,05
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	0,02	10
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	0,3	1
10	Coliform	MPN/100ml	3.700	7.500

**Nhận xét:**

Từ kết quả phân tích ở trên cho thấy, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm của nguồn nước trên sông Quán Trường tại vị trí xả vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với các thông số ô nhiễm như COD, BOD<sub>5</sub>, Nitrat, TSS... đạt giới hạn cho phép của QCVN 08 - MT:2015/BTNMT(cột B1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Điều đó, cho thấy nguồn tiếp nhận là sông Quán Trường vẫn còn khả năng tiếp nhận các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột B của cơ sở.

⇒ Vì vậy, việc xả nước thải của cơ sở không gây ảnh hưởng nhiều đến chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận, hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt. Điều đó có ý nghĩa quan trọng đối với môi trường, tránh gây hiện tượng tù đọng cục bộ nước thải trên dòng chảy.

### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

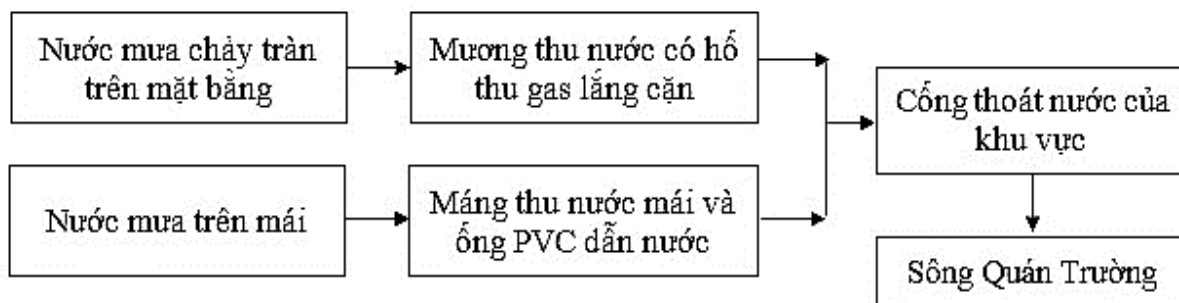
### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn được quy ước là nước sạch, tuy nhiên khi chảy tràn qua khuôn viên cơ sở đã cuốn theo những chất cặn bã, nên chỉ cần xử lý sơ bộ trước khi ra ngoài môi trường.

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện và tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Khu vực sân bãi được tráng nhựa tạo độ dốc cần thiết để nước mưa thoát nhanh, không gây ngập úng.

Chủ cơ sở xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

Nước mưa từ trên mái sẽ thu gom bằng máng thu và ống dẫn từ trên xuống vào các hố ga thu gom nước mưa được bố trí xung quanh cơ sở không cho nước mưa chảy tràn ra mặt bằng và định kỳ nạo vét chất thải rắn ở hố ga.

Nước mưa trên mặt bằng và tiếp giáp bên ngoài cơ sở sẽ thu gom bằng các mương thoát nước. Dọc theo mương thoát nước mưa, tại các hố ga đặt song chắn rác để loại bỏ rác có kích thước lớn. Định kỳ sẽ nạo vét các hố ga, khơi thông các mương thoát nước đặc biệt là trước mùa mưa.

Mương thoát nước mưa là mương gạch D300 – D400 với tổng chiều dài 22m với độ dốc 1 – 5% dẫn nước mưa chảy ra cống thoát nước của khu vực. Vị trí thoát nước mưa nằm tại 01 điểm ở góc phía Nam của cơ sở và chảy ra sông Quán Trường.



Hình 3.2. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

## 1.2. Thu gom, thoát nước thải

### a) Công trình thu gom nước thải

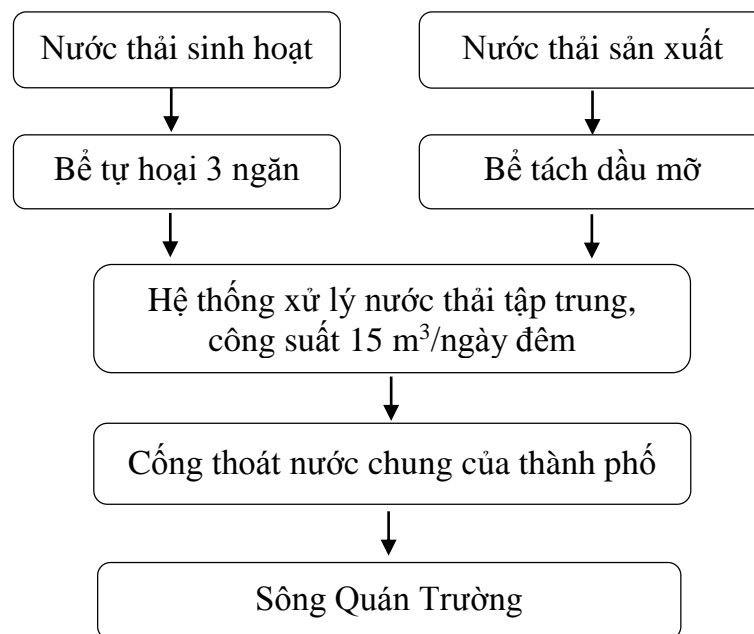
Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bao gồm các nguồn sau:

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của CBCNV làm việc tại cơ sở và khách như: vệ sinh, rửa tay, ăn uống... sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động rửa xe, bảo dưỡng, sửa chữa, sơn xe ô tô được thu gom về bể tách dầu mỡ để tách dầu sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để tiếp tục xử lý.

### b) Công trình thoát nước thải

Nước thải sau khi được xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở sẽ theo đường ống bơm xả vào hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường 23/10.



Hình 3.3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải

### c) Điểm xả nước thải sau xử lý

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sau khi được xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở với công suất thiết kế  $15 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,2$  – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

- Vị trí xả nước thải: Trụ sở chi nhánh Nha Trang – Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (hiện nay là Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà) tại lô số 1, khu vực 2, đường 23/10, xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà. Toạ độ vị trí xả nước thải theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến  $108^\circ 15'$ , múi chiếu  $3^\circ$ :  $X(m) = 1355390$ ;  $Y(m) = 599320$ .

- **Nguồn tiếp nhận nước thải:** Nước thải sau hệ thống xử lý của cơ sở không xả trực tiếp vào nguồn tiếp nhận là sông Quán Trường mà xả vào cống thoát nước chung của khu vực, tiếp tục được dẫn đổ vào sông Quán Trường tại khu vực xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

- **Chế độ xả nước thải:** xả liên tục.

- **Phương thức xả nước thải:** Bơm xả ra cống thoát nước chung của thành phố Nha Trang và tiếp tục tự chảy theo Hệ thống thoát nước chung của thành phố xả vào sông Quán Trường.

- **Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm đầu nối nước thải:**

Xung quanh khu vực đa phần là các hộ dân cư và cơ sở kinh doanh hoạt động nhỏ và lẻ, nước thải sinh hoạt của các cơ sở này được xả chung vào cống thoát nước của khu vực. Điểm đầu nối xả nước thải tại cơ sở nằm trên tuyến thu gom của cống thoát nước chung, đảm bảo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

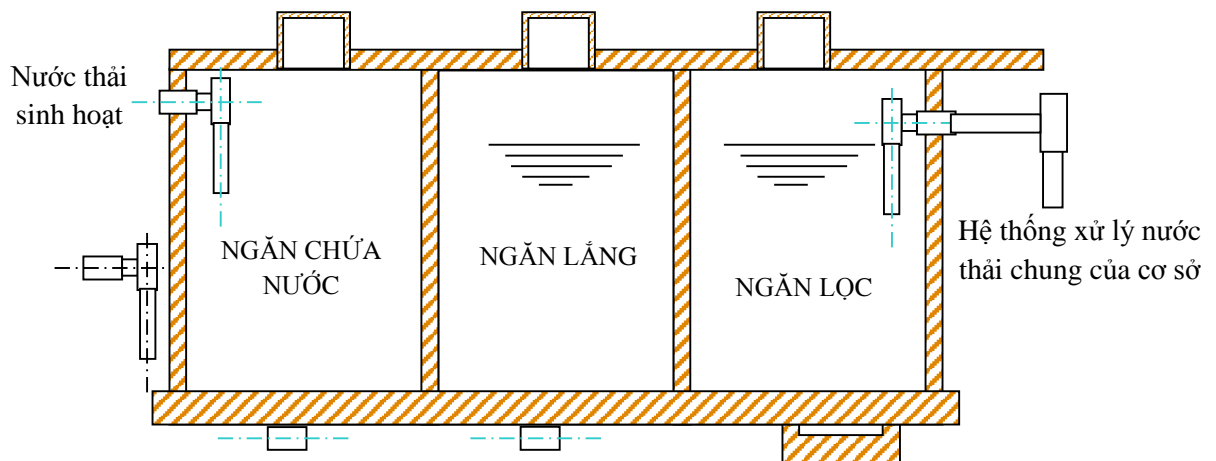
(căn cứ theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2130/QĐ-UBND do UBND tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 17/08/2020)

### 1.3. Xử lý nước thải

#### a. Bể tự hoại

Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 5 m<sup>3</sup>, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

#### ✚ Cấu tạo của bể tự hoại



Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

#### ✚ Nguyên lý hoạt động

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể từ 3-6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao.

Bể tự hoại là bể trên mặt có hình chữ nhật, với thời gian lưu nước 3 – 6 ngày, 90% – 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể, qua một thời gian cặn sẽ phân huỷ kỵ khí trong ngăn lắng, sau đó nước thải qua ngăn lọc và thoát ra ngoài qua ống dẫn. Trong

mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ hai của ống này là dùng để thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nghẹt.

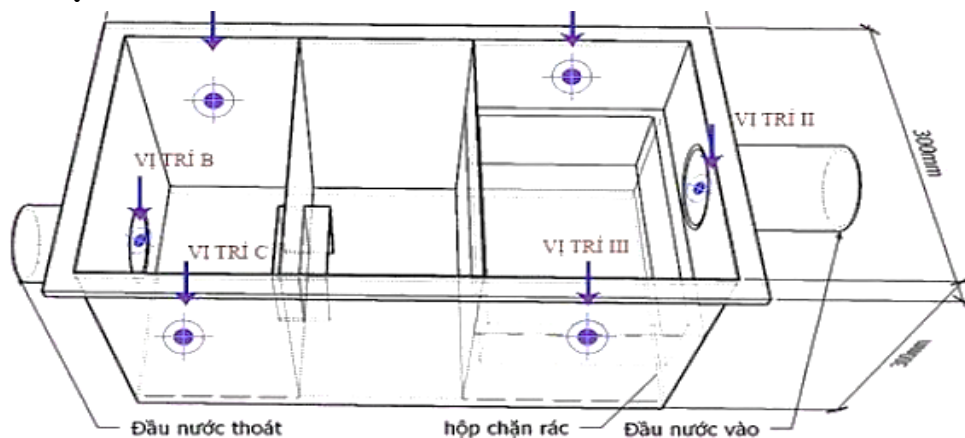
Khi qua bể tự hoại, nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải giảm khoảng 30%, riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn.

Lượng bùn từ bể tự hoại định kỳ sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

### **b. Bể tách dầu mỡ**

Nước thải phát sinh từ khu vực rửa xe, bảo dưỡng, sửa chữa, phòng sơn... được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

#### **✚ Cấu tạo của bể tách dầu mỡ**



Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo của bể tách dầu mỡ

#### **✚ Nguyên lý hoạt động**

Nước thải từ có lẫn dầu sẽ được dẫn về bể tách dầu mỡ và được chứa tại giỏ lọc. Tại đây, các loại chất thải, rác có kích thước lớn sẽ được giữ lại. Ở giai đoạn này, lượng rác sẽ được loại bỏ gần như hoàn toàn nhằm giảm, tránh hiện tượng tắc nghẽn đường ống và điều hòa tốc độ dòng chảy bể.

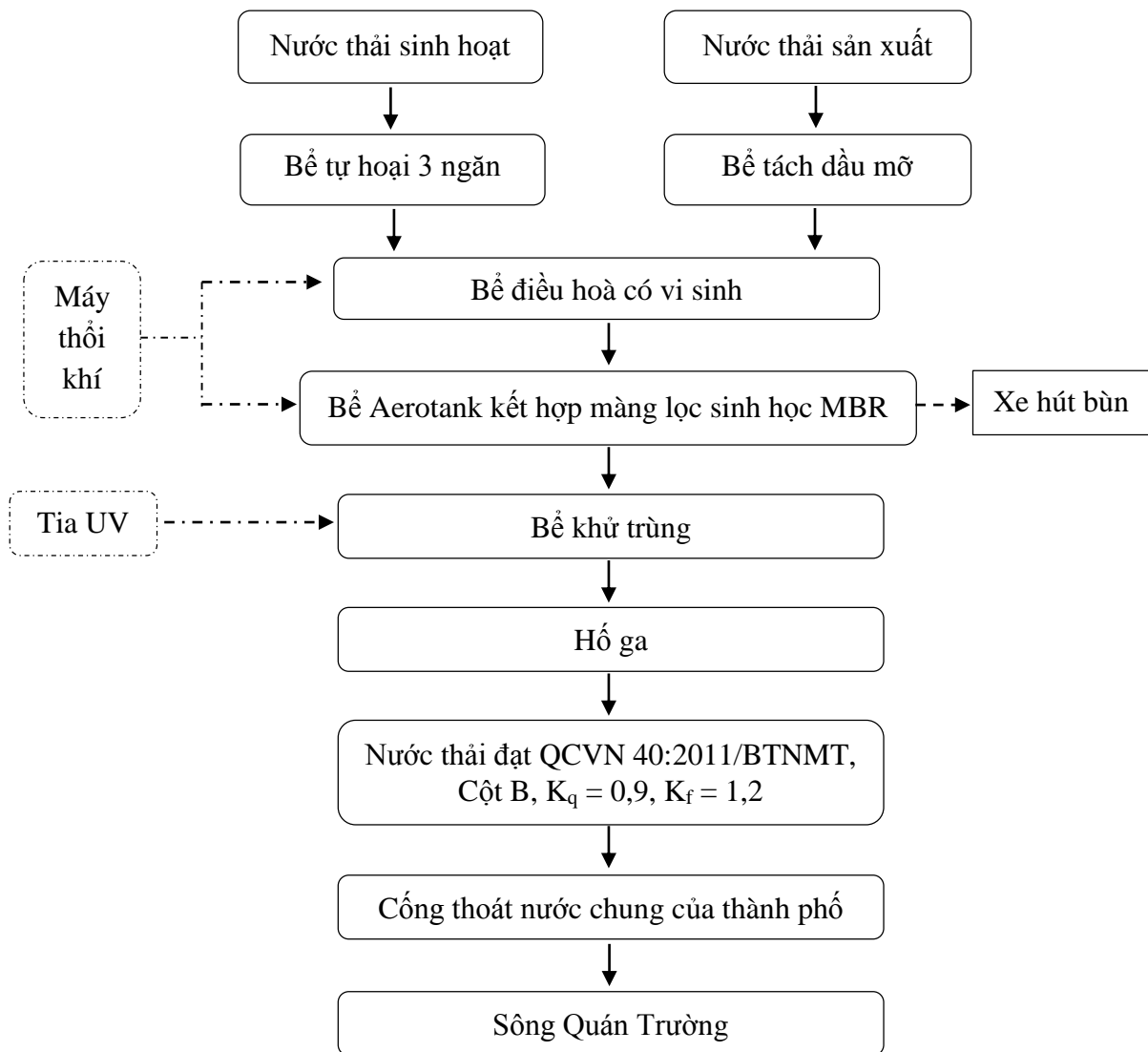
Sau đó, quá trình tách dầu mỡ sẽ được thực hiện trong ngăn tách dầu. Tại đây, được thiết kế một vách ngăn nhằm hướng dòng chảy để tách dầu và nước ra khỏi nhau thành 2 phần riêng biệt. Dầu mỡ sẽ được lưu chứa trong thùng tách mỡ. Tại đây có thể dễ dàng thực hiện thu dầu mỡ. Quá trình thu gom dầu mỡ tích tụ được tiến hành định kỳ.

### **c. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở**

Để đảm bảo hiệu quả xử lý, chủ cơ sở đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống XLNT công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở được thể hiện như sau:

#### **✚ Sơ đồ quy trình công nghệ:**



Hình 3.6. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

#### Thuyết minh quy trình:

Nước thải của cơ sở phát sinh từ các nguồn sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở được thu gom và dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về bể điều hoà của hệ thống XLNT.
- Nước thải sản xuất phát sinh được thu gom và dẫn về bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về bể điều hoà của hệ thống XLNT.

Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế xử lý bằng công nghệ sinh học, lọc trong nước bằng màng lọc sinh học, tiệt trùng bằng tia cực tím trên đường ống xả.

#### Bể điều hoà

Nước thải thu gom từ các nhà vệ sinh, hệ thống nước rửa xe sẽ được dẫn vào bể điều hoà có vi sinh. Bể điều hoà là nơi tập trung các nguồn nước thải thành một nguồn duy nhất. Bể điều hoà có nhiệm vụ điều hoà lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý, tránh hiện tượng hệ thống xử lý bị quá tải. Nước thải trong bể điều hoà được sục khí liên tục thông qua máy thổi khí và hệ thống đĩa phân phối khí nhằm tránh hiện tượng yếm khí dưới đáy bể. Ngoài ra, tại đây

các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải được xử lý sinh học hiếu khí thông qua lượng vi sinh được châm vào định kỳ.

#### Bể Aerotank kết hợp màng lọc sinh học (MBR)

Tại bể Aerotank kết hợp màng lọc sinh học MBR, nước thải sẽ được xử lý hàm lượng Nitơ, Photpho, Amoni và một phần COD, BOD bằng cách cung cấp oxy cho quá trình xử lý sinh học hiếu khí. Đồng thời, màng lọc MBR sẽ lọc sạch các chất lắng cặn và ô nhiễm của nước thải. Màng MBR tách bùn bằng màng siêu vi.

Lượng bùn tại bể được định kỳ mở van xả đáy chảy vào bể điều hoà, phần bùn dư được hút bỏ định kỳ bằng xe chuyên dụng.

#### Bể khử trùng

Tại bể khử trùng, nước thải được tiếp xúc với tia cực tím, các vi sinh vật, vi khuẩn gây bệnh,... sẽ được tiêu diệt trước khi đầu nổi vào hố ga hạ tầng bởi đường ống PVC Ø114mm, đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,2$  – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp trước khi dẫn ra nguồn tiếp nhận là sông Quán Trường.

### ✚ Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

Thông số kỹ thuật của các hạng mục trong hệ thống XLNT công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của các hạng mục trong hệ thống XLNT

STT	Hạng mục	SL	Kích thước	Vật liệu
1	Bể điều hoà	01 Bể	DxRxC = 3,7m x 2,2m x 1,45m	BTCT
2	Bể bùn	01 Bể	DxRxC = 1,0m x 2,2m x 1,45m	BTCT
3	Bể lọc màng sinh học	01 Bể	DxRxC = 2,5m x 1,5m x 2,0m	Compozit

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

### ✚ Máy móc, thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3.2. Máy móc, thiết bị sử dụng cho hệ thống XLNT

STT	Hạng mục	SL	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật
1	Bơm nước thải bể điều hoà	2 cái	Evak -Taiwan	Q = 5 m <sup>3</sup> /h, H = 8 m, N = 1 HP
2	Máy sục khí chìm điều hoà	2 cái	Evak -Taiwan	Q = 10 m <sup>3</sup> /h, N = 3 HP
3	Máy sục khí chìm Anoxic	2 cái	Evak -Taiwan	Q = 10 m <sup>3</sup> /h, N = 3 HP
4	Bơm trục ngang	2 cái	Evak -Taiwan	Q = 10 m <sup>3</sup> /h, N = 3 HP
5	Màng MBR	5 tấm	Việt Nam	KT: LxRxH = 620x31x1015. Q = 1- 5,5 m <sup>3</sup> /tấm/ngày.
6	Bồn nhựa NaOCl	1 bồn	Việt Nam	Q = 300 lít, chất liệu: Nhựa PP
7	Đồng hồ đo lưu lượng	01 cái	Việt Nam	-

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

### ✚ Hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng, định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng của cơ sở

Cơ sở không sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học cho quá trình xử lý môi trường vì nước thải được xử lý sẽ chảy qua đường ống dẫn có lắp đèn UV, tại đây nước thải tiếp xúc với tia cực tím và khử trùng triệt để các vi khuẩn gây bệnh.

### ✚ Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý

Nước thải sau khi xử lý xả ra nguồn tiếp nhận đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,2$  – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.



Hình 3.7. Một số hình ảnh về hệ thống XLNT công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm

#### d. Các biện pháp xử lý nước thải khác

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị và vận hành hệ thống đúng quy trình.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên vận hành hệ thống XLNT.
- Tuyển nhân viên đã qua đào tạo và có kinh nghiệm trong vận hành hệ thống XLNT, và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.
- Lập kế hoạch chi tiết phòng ngừa, ứng phó sự cố.
- Trong trường hợp không thể sửa chữa sớm các hư hỏng xảy ra tại hệ thống XLNT, cơ sở sẽ thông báo cho các cơ quan chức năng để được hướng dẫn phương án xử lý.

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

### 2.1. Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở

#### a. Phương tiện vận chuyển bên ngoài

- Quy định tốc độ của các phương tiện ra vào khu vực. Các phương tiện sử dụng loại nhiên liệu theo quy định.
- Bố trí bãi đậu xe tải trong khuôn viên cơ sở tránh ùn tắc giao thông bên trong và bên ngoài.



- Xe tải khi đậu để xếp vật liệu và sản phẩm phải tắt máy. Điều tiết hợp lý xe chở nguyên vật liệu ra vào khu vực.
- Thường xuyên bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, sử dụng các phương tiện còn niên hạn sử dụng.

#### **b. Phương tiện vận chuyển nội bộ**

- Sử dụng phương tiện đảm bảo kỹ thuật, sử dụng đúng công suất các động cơ của các phương tiện.
- Sử dụng các loại nhiên liệu đốt có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Đối với các động cơ sử dụng nhiên liệu sẽ được xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế, hoặc đổi mới các máy móc thiết bị nhằm tránh gây rò rỉ các chất ô nhiễm, độc hại ra môi trường, hạn chế các nguy cơ gây cháy nổ.
- Tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an toàn và vệ sinh môi trường đối với các phương tiện giao thông. Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở.

### **2.2. Xử lý bụi, khí thải từ công đoạn sơn xe**

Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà với hoạt động chủ yếu là trưng bày sản phẩm nên lượng khí thải gần như không phát sinh, nếu phát sinh chỉ ở mức rất nhỏ tại khâu sơn. Lượng dung môi thừa từ công đoạn phun sơn sản phẩm được xử lý bằng phương pháp màng nước thu bụi quạt hút thu hồi hơi dung môi.

*Thuyết minh quy trình công nghệ:*

- Khi sơn xe ô tô bằng thiết bị phun, các chất ô nhiễm không khí sinh ra các dung môi hữu cơ như benzen, hơi nhựa thừa...
- Khu vực pha sơn và khu vực sơn được bố trí tại khu vực kín, riêng biệt. Tại công đoạn sơn bố trí các chụp hút ngay tại nguồn phát sinh khí ô nhiễm, chụp hút được bố trí ở độ cao 1,8m đến 2m để không làm ảnh hưởng đến thao tác làm việc của công nhân.
- Hệ thống sơn xe của cơ sở gồm 02 buồng sơn, tại mỗi buồng sẽ trang bị 01 màng nước hấp thu bụi và 01 chụp hút hơi dung môi. Hơi dung môi từ 2 buồng này sẽ được dẫn về 01 hệ thống xử lý hơi dung môi. Tại đây hơi dung môi sẽ được hấp phụ trên bề mặt lớp vật liệu lọc (than hoạt tính). Định kỳ than hoạt tính sẽ được thay và đem đi xử lý cùng với chất thải nguy hại.

### **2.3. Xử lý khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng**

Hiện nay cơ sở không sử dụng máy phát điện dự phòng nên không đánh giá tác động cũng như đề xuất biện pháp xử lý khí thải tại mục này.

### **2.4. Giảm thiểu mùi hôi các khu vực khác**

- Chủ cơ sở lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên và các quạt cây công nghiệp để làm mát cục bộ cho từng khu vực có công nhân viên làm việc.
- Thu gom và phân loại chất thải rắn phát sinh từ cơ sở. Toàn bộ chất thải rắn phải được chứa trong bao bì và thùng rác để không phân hủy gây mùi. Cơ sở sử dụng các thùng rác có nắp đậy bố trí tại các khu vực văn phòng và sản xuất, các thùng rác có dung tích từ 15 lít đến 120 lít.

- Sử dụng chế phẩm sinh học để vệ sinh các thùng rác, nhà chứa rác nhằm giảm thiểu mùi hôi.
- Thu gom và xử lý triệt để nước thải phát sinh từ cơ sở. Đối với mùi từ hệ thống XLNT thì sử dụng các chế phẩm vi sinh vật khử mùi hôi HTXLNT để giảm mùi hôi, đồng thời giúp phục hồi lượng VSV có lợi cho công trình XLNT.

### 3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

Toàn bộ CTR sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý triệt để theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020; Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### 3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- **Nguồn phát sinh:** từ quá trình sinh hoạt hàng ngày của CBVNV làm việc tại cơ sở. Thành phần bao gồm: thức ăn thừa, bao bì nilon, giấy vụn, hộp cơm, vỏ chai nước,...

- **Tổng lượng CTR sinh hoạt:** Theo tình hình hoạt động thực tế của cơ sở thì khối lượng CTRSH phát sinh khoảng 20 kg/ngày.

- **Biện pháp xử lý:** Lượng chất thải này được thu gom và lưu chứa trong các thùng bằng nhựa có nắp đậy được đặt xung quanh các khu vực của cơ sở (văn phòng làm việc, khu bảo trì, sửa chữa, sơn xe, dọc các tuyến hành lang,...). Chủ cơ sở trang bị khoảng 20 thùng rác có nắp đậy kín với đầy đủ kích thước 20 lít, 60 lít, 120 lít, 240 lít để thu gom lượng rác thải dọc khuôn viên cơ sở. Cuối ngày bộ phận vệ sinh sẽ vận chuyển các thùng rác này đến kho tập kết chất thải rắn. Chủ cơ sở ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ 01 lần/ngày. (theo Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt số 4291/2023/HĐ-TGVCXLRTSH ngày 03/01/2023).



Hình 3.8. Phân loại chất thải rắn tại cơ sở

### 3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- **Nguồn phát sinh:** Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các khu văn phòng, khu vực bảo dưỡng, sửa chữa,... Thành phần bao gồm: Giấy vụn, bao bì hỏng, thùng carton, lõi cuộn giấy các loại, đầu lọc lõi, phế liệu,...

- **Tổng lượng CTR công nghiệp thông thường:** Theo tình hình hoạt động thực tế của cơ sở thì khối lượng CTRCNTT phát sinh khoảng 2-3 kg/ngày.

- **Biện pháp xử lý:**

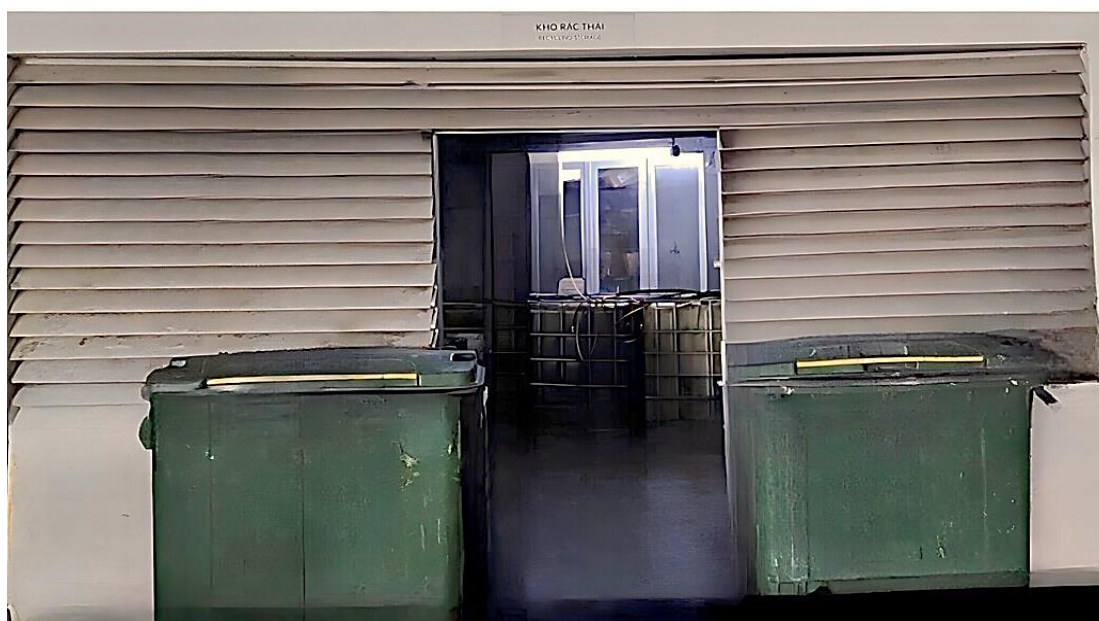
Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và phân loại theo quy định:

+ Chất thải phải xử lý (không có khả năng tái sử dụng): bao gồm phụ tùng xe cũ, hư hỏng... sẽ được thu gom, hoàn trả cho khách hàng.

+ Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: thùng giấy, bìa carton, thùng nhựa, thùng phuy... Vào cuối ngày, nhân viên vệ sinh thu gom tập kết vào khu vực lưu chứa chất thải tạm thời. Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất 01 tuần/lần.

Chủ cơ sở bố trí các thùng rác có nắp đậy kín ở các khu vực thuận tiện cho việc thu gom, đảm bảo hợp vệ sinh để lưu chứa CTR công nghiệp thông thường.

Riêng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 4,4 kg/ngày. Lượng bùn này sẽ được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.



Hình 3.9. Kho chứa rác thải của cơ sở

### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất nguy hại

**Nguồn phát sinh:** Trong quá trình hoạt động của cơ sở sẽ phát sinh một lượng chất thải nguy hại từ quá trình sản xuất và sinh hoạt của CBCNV. Thành phần bao gồm: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải, dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước, ắc quy chì thải, giẻ lau dính dầu nhớt, hộp mực in thải, cặn sơn....

- **Tổng lượng CTNH:** Theo tình hình hoạt động thực tế của cơ sở thì CTNH phát sinh với khối lượng dưới 100 kg/năm.

*Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên*

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại
1	Giẻ lau, bao tay dính các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	Rắn
4	Bộ lọc dầu	15 01 02	Rắn
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	Lỏng
6	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	Lỏng
7	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn
8	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn
9	Bao bì mềm tahir có chứa CTNH	18 01 01	Rắn
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn
11	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn
12	Cặn sơn	08 01 01	Rắn/lỏng
13	Kính vỡ	11 02 01	Rắn
14	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (lốp xe,..)	19 12 03	Rắn/lỏng/bùn
15	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	Rắn/lỏng

- **Biện pháp xử lý:**

CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở được phân loại và thu gom bằng bao bì hay thùng chứa riêng biệt có nắp đậy kín, dán nhãn phân loại. Định kỳ vào cuối ngày lượng CTNH tại các thùng chứa này được bộ phận vệ sinh thu gom và tập kết về khu vực chứa chất thải nguy hại. Kho lưu chứa CTNH có diện tích 34 m<sup>2</sup> được xây dựng kiên cố, có mái che, tường kín bao quanh, nền xi măng chống thấm, có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài, bố trí vật liệu hấp thụ, có gờ chống tràn chất thải rơi vãi, trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy, bên trong được phân thành khu riêng biệt lưu chứa CTNH theo từng loại và dán nhãn cảnh báo theo đúng quy định.

Khu vực lưu chứa chất thải phải được vệ sinh thường xuyên hằng ngày. Tuyệt đối không để các vật dụng có khả năng cháy nổ tiếp cận, cấm sử dụng thuốc lá, lửa trong khu vực này.

Chủ cơ sở ký hợp đồng với Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất thu gom 2-3 tháng/lần.

## 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

### ➤ Tác động:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở để vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa.
- Do hoạt động của khu vực xưởng bảo dưỡng, sửa chữa, khu vực sơn xe.
- Hoạt động của hệ thống điều hòa không khí khối văn phòng; máy phát điện dự phòng.
- Do quá trình phục hồi chi tiết máy, khu vực sơn xe, xưởng sửa chữa...
- Nhiệt phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án chủ yếu phát sinh từ các máy móc, thiết bị sửa chữa, bảo dưỡng.

### ➤ Biện pháp giảm thiểu:

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung, Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp như sau:

- Giảm độ rung bằng biện pháp sử dụng các kết cấu đàn hồi như đệm đàn hồi, gối đàn hồi cao su để lắp đặt vào chân đế máy hoặc lắp cố định trên máy.
- Thường xuyên kiểm tra, độ mài mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết bị mài mòn; bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ.
- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.
- Đồng thời trang bị đầy đủ đồ dùng bảo hộ như: nút bịt tai chống ồn, găng tay, quần áo bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc tại vị trí phát sinh tiếng ồn cao như khu vực sửa chữa chi tiết máy, khu vực sơn xe, khu vực xưởng sửa chữa...
- Tại khu vực sửa chữa, bảo dưỡng,.. chủ cơ sở bố trí cửa cách âm, dán tường bằng xốp chống ồn để hạn chế tiếng ồn, độ rung.
- Xe chở đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở để giảm bớt độ ồn, giảm nhiệt độ không khí, lọc sạch không khí,...
- Trong trường hợp cơ sở có lưu lượng xe tăng đột biến, chủ cơ sở đưa ra một số phương án tổ chức giao thông tại cơ sở như sau:
  - + Nhân viên tiếp nhận kết hợp với lực lượng bảo vệ tại dự án sẽ tham gia điều tiết giao thông tại khu vực cơ sở;
  - + Trong trường hợp khu vực tiếp nhận sửa chữa, bảo dưỡng quá tải, hết vị trí đỗ xe, lực lượng bảo vệ ra tín hiệu cho khách đến đậu xe ở khu vực tầng hầm 1 và 2 của cơ sở.
  - + Cơ sở có khu vực đậu xe ô tô và xe máy phục vụ cho việc lượng khách đến và đi tăng cao.

## 6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

### 6.1. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động

- Kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân làm việc trong cơ sở định kỳ 01 năm/lần.

- Quy định các nội quy làm việc tại cơ sở, bao gồm nội quy ra, vào làm việc; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng thiết bị máy móc; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ. Bố trí bảo vệ tại cổng ra vào, đối với những người không phận sự không cho ra vào cơ sở.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy cho công nhân bằng nhiều hình thức khác nhau như in nội quy vào bảng treo tại công trường, nhà ăn; tổ chức học nội quy; kiểm tra và nhắc nhở tại hiện trường.
- Tổ chức cảnh giới và treo biển báo khi sửa chữa điện; Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, thanh tra định kỳ về an toàn điện. Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.
- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.
- Tổ chức sơ cứu các ca tai nạn lao động; Lập tủ thuốc, các thiết bị sơ cứu tại Showroom trước khi đưa đi cấp cứu.
- Tuân thủ quy định trong quá trình vận hành các thiết bị máy móc tại các dây chuyền sản xuất thuộc cơ sở.
- Toàn bộ công nhân tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động trong suốt quá trình lao động sản xuất.
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Không chế tiếng ồn đạt quy chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp do quá trình sản xuất gây ra.
- Tăng cường tập huấn cho công nhân lao động về phòng chống tai nạn lao động.

## **6.2. Các biện pháp giảm thiểu sự cố tai nạn lao động**

- Cán bộ lái xe được đào tạo Luật an toàn giao thông và được cấp bằng lái xe của Bộ giao thông và vận tải cấp, phương tiện vận chuyển được Cục đăng kiểm cấp theo đúng quy định.
- Toàn bộ các CBCNV làm việc trong cơ sở điều khiển phương tiện đều có bằng lái xe và tập huấn về Luật an toàn giao thông.
- Trong trường hợp xảy ra tai nạn, tiến hành sơ cứu tại chỗ và đưa vào Bệnh viện gần nhất để chữa bệnh.

## **6.3. Các biện pháp phòng chống cháy nổ**

### **a. Biện pháp phòng chống sự cố**

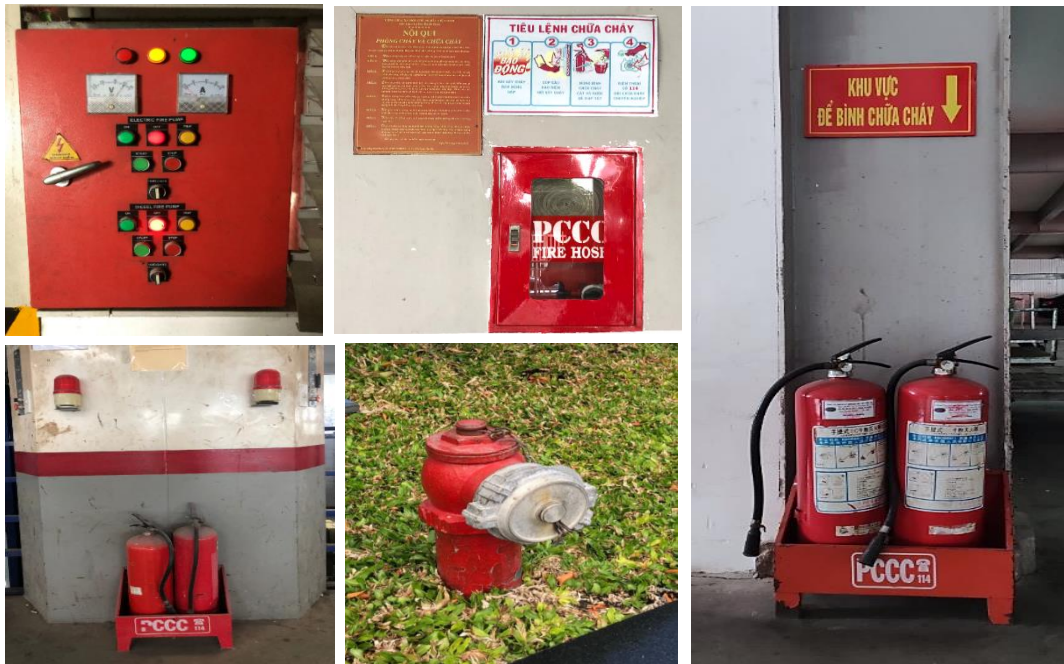
Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này được lắp đặt các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị, ... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật. Chủ cơ sở đã lắp đặt hoàn thành hệ thống PCCC cho toàn cơ sở bao gồm:

- Hệ thống báo cháy tự động: trung tâm báo cháy, đầu báo khói, đầu báo nhiệt, chuông báo cháy, module giám sát.
- Hệ thống chữa cháy: hệ thống cấp nước chữa cháy (máy bơm, bể chứa nước chữa cháy thể tích 30m<sup>3</sup>, họng nước chữa cháy, đầu phun Sprinkler, đầu phun hờ Drencher), thiết bị chữa cháy tại chỗ, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn: tủ chữa cháy ngoài nhà, tủ chữa cháy trong nhà, bình CO<sub>2</sub>, bình bột ABC, bình bột tự động.
- Hệ thống chống sét.
- Trong các vị trí sản xuất đã thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn đối với từng công nhân trong suốt thời gian làm việc.
- Các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện, các bồn chứa dung môi được lắp đặt các van an toàn, các thiết bị theo dõi nhiệt độ, các thiết bị báo cháy, chữa cháy tự động.
- Trong các khu sản xuất, kho nguyên liệu được lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.
- Công ty đã ban hành nội quy về việc cấm công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện, ...trong khu vực có thể gây cháy.
- Thành lập Đội đảm nhiệm công tác PCCC.
- Công nhân làm việc trực tiếp trong các nhà xưởng sửa chữa, bảo hành, kho chứa nhiên liệu được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

**b. Biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố**

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, thực hiện xử lý theo các bước cơ bản sau:

- Xác định nhanh điểm cháy. Báo động để mọi người biết, áo cho lực lượng PCCC đến.
- Sử dụng các phương tiện PCCC sẵn có để dập cháy.
- Ngắt điện khu vực bị cháy. Cứu người bị nạn.
- Di chuyển hàng hóa, tài sản và các chất cháy ra nơi an toàn: bảo vệ và tạo khoảng cách chống cháy lan.
- Khắc phục sự cố và ổn định sản xuất trở lại.



Hình 3.10. Một số hình ảnh về công tác PCCC tại cơ sở

#### 6.4. Các biện pháp giảm thiểu sự cố phòng sơn

- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi vận hành. Chỉ người đã qua đào tạo mới được sử dụng thiết bị.
- Không hút thuốc, ăn nghỉ, ngủ trong phòng sơn và không đi lên nóc phòng sơn. Không sử dụng các dụng cụ có thể phát lửa hay sinh ra tia lửa điện ở bên trong phòng sơn.
- Không mang quá nhiều dầu và dung môi hơn nhu cầu thực tế cần thiết vào trong phòng sơn. Không sử dụng phòng sơn khi kính cửa hoặc kính đèn bị vỡ, không tự ý sửa chữa điện, tủ điện...
- Không sử dụng phòng sơn khi đèn sự cố bật sáng hoặc có bất thường như điện bị mất pha/đảo pha. Không để vật che chắn cản trở đường cấp khí vào và đường thoát khí ra.
- Khi buồng sơn đang hoạt động chỉ được ra vào bằng cửa phụ. Không để cửa mở tự do để bụi, côn trùng lọt vào. Tránh nước lọt vào phòng sơn, đặc biệt qua đường cấp/thoát khí.
- Chỉ được cho xe ô tô đi lên phần sàn chịu lực làm bằng tấm đan đặt trên 2 rãnh ở giữa phòng sơn.
- Không đưa vật có kích thước quá lớn, quá tải trọng vào buồng sơn. Không sử dụng phòng sơn cho mục đích khác với mục đích thiết kế.

#### 6.5. Các biện pháp giảm thiểu và phòng chống khi hệ thống XLNT gặp sự cố

##### a. Biện pháp phòng chống sự cố

Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố khi cơ sở hoạt động. Cụ thể:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.



- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý. Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng để có biện pháp khắc phục kịp thời.

**b. Giảm thiểu sự cố tràn nước thải**

- Chủ cơ sở đã tính toán thiết kế hệ thống thoát nước đảm bảo thoát toàn bộ nước thải của Showroom khi thay đổi công nghệ hoặc nâng công suất.
- Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, cơ sở luôn bố trí cán bộ chuyên môn giám sát quá trình vận hành của hệ thống XLNT liên tục.
- Trong trường hợp sự cố tràn nước thải, sử dụng máy bơm, bơm nước thải tại bể bị tràn sang các bể còn lại trong HTXLNT. Sau khi tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố sẽ bơm lại hệ thống XLNT để xử lý đạt tiêu chuẩn.

**c. Nguyên nhân và cách khắc phục một số sự cố trong quá trình vận hành**

Bảng 3.4. Nguyên nhân và cách khắc phục một số sự cố trong quá trình vận hành các bể của HTXLNT

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Bể điều hòa	Có mùi hôi thối.	Do lượng khí cấp vào bể không đủ.	Mở rộng các van trên đường ống cấp khí vào bể điều hòa.
Bể MBR	Có mùi hôi thối.	Do lượng khí cấp không đủ hoặc quá ít.	Tăng lượng khí cấp vào bể MBR.
	Bùn nổi lên bề mặt hoặc bọt bông phát sinh rất nhiều và tràn khỏi bể.	Do lượng vi khuẩn dạng sợi phát triển mạnh.	Tăng pH đến 8 và tăng lưu lượng khí trong 1 tuần.
	Bùn lắng không tốt. Sinh khối phát triển tản mạn.	Do tải lượng hữu cơ cao hoặc thấp, dư oxy hoặc nhiễm độc.	Thay đổi tải lượng hữu cơ, DO. Kiểm tra các chất độc để áp dụng biện pháp tiền xử lý hoặc giảm tải hữu cơ.
	Sinh khối tạo thành hỗn hợp đặc.	Thiếu oxy, thiếu dinh dưỡng, chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học.	Tăng tải trọng, oxy, ổn định pH thích hợp, bổ sung chất dinh dưỡng.
Bể lắng	Có hiện tượng bùn nổi trên bề mặt bể thành từng lớp.	Do lượng bùn tích tụ trong bể quá nhiều hay bùn tự sinh khí làm trọng lượng riêng giảm nhẹ hơn trọng lượng riêng của nước.	Tăng số lần bơm bùn về bể chứa bùn. Điều chỉnh pH trong bể hiếu khí.
	Bùn có hiện tượng trôi theo dòng chảy.	Đột xuất tăng lưu lượng nước thải.	Điều chỉnh lại lưu lượng xử lý. Xem lại ống phân phối và máng thu nước không đều.

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

Bảng 3.5. Nguyên nhân, cách khắc phục một số sự cố trong quá trình vận hành thiết bị

Tên máy	Nhận dạng	Nguyên nhân	Khắc phục
Máy thổi khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếng ồn bất thường nhưng không có khí.</li> <li>- Năng suất giảm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hết dầu.</li> <li>- Bạc đạn bị hư.</li> <li>- Đai dây bị đứt hoặc hư.</li> <li>- Bị nghẹt ở bộ phận lọc khí.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp dầu vào hoặc yêu cầu nhà sản xuất kiểm tra.</li> <li>- Điều chỉnh hoặc thay thế.</li> <li>- Kiểm tra và vệ sinh.</li> </ul>
Bơm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy bơm hoạt động nhưng nước không lên, điện nguồn vẫn bình thường.</li> <li>- Máy bơm hoạt động nhưng lưu lượng nước nhỏ.</li> <li>- Khi hút nước lên thì nước bị rỉ ra ở lỗ nhỏ đầu bơm, gây mất vệ sinh trong quá trình hoạt động.</li> <li>- Đầu bơm bị nóng hoặc có tiếng kêu lạ. Nếu để lâu nữa sẽ dẫn đến hư phốt hoặc cháy máy bơm.</li> <li>- Quá nhiệt, tiếng ồn bất thường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm bị tụt nước.</li> <li>- Rác làm nghẹt cánh bơm.</li> <li>- Hư phốt.</li> <li>- Trục bơm bị hư.</li> <li>- Rò rỉ khí hoặc lưu chất từ chỗ đệm cơ khí.</li> <li>- Cánh đẩy bị rỉ sét hoặc bị cà (gây tiếng ồn bất thường).</li> <li>- Hoạt động không tải.</li> <li>- Dòng điện chạy nghịch.</li> <li>- Đệm cơ khí bị hỏng.</li> <li>- Mòn bạc đạn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mồi nước lại cho lupê.</li> <li>- Mở đầu bơm, lấy rác dính trong cánh.</li> <li>- Thay phốt.</li> <li>- Thay mới.</li> <li>- Kiểm tra đệm cơ khí bị nghẹt, vệ sinh định kỳ.</li> <li>- Tháo ra và kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế.</li> <li>- Kiểm tra van đầu hút, áp cần bơm lên.</li> <li>- Đổi đầu điện cấp vào.</li> <li>- Thay thế.</li> </ul>
Bơm định lượng và đường ống hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy bơm hoạt động bình thường nhưng lưu lượng hóa chất nhỏ.</li> <li>- Mô tơ quá nhiệt và tiếng ồn bất thường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rác hoặc cặn làm nghẹt đầu hút, đầu đẩy hoặc hệ thống van 1 chiều tại đầu bơm.</li> <li>- Các đầu nối của bơm bị nghẹt.</li> <li>- Màng bơm hư hoặc bị công tác bị mòn.</li> <li>- Đầu đẩy của bơm bị nghẹt, không khắc phục sẽ dẫn đến tình trạng bể ống dẫn hóa chất.</li> <li>- Bánh răng bị mòn hoặc hư hỏng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, làm sạch cặn tại đầu hút, đầu đẩy và hệ thống van 1 chiều tại đầu bơm.</li> <li>- Kiểm tra và thay thế.</li> <li>- Vệ sinh và có hành động ngăn ngừa tái diễn.</li> <li>- Sửa chữa và thay thế.</li> <li>- Tháo ra vệ sinh.</li> <li>- Thay màng bơm mới.</li> <li>- Yêu cầu nhà sản xuất kiểm tra (sửa chữa hoặc thay thế).</li> </ul>

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

## 7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

##### ❖ Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của CBCNV và khách (các nhà vệ sinh, nhà ăn của cơ sở).
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực bảo dưỡng, sửa chữa, rửa xe.

##### ❖ Lưu lượng xả nước thải tối đa

Tổng lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

##### ❖ Dòng nước thải

Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép là 01 dòng thải: Dòng nước thải sau HTXLNT công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>f</sub> = 1,2 sẽ được bơm xả ra công thoát nước chung của thành phố, xả vào sông Quán Trường tại khu vực xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

##### ❖ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải trong quá trình hoạt động của cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K <sub>q</sub> = 0,9; K <sub>f</sub> = 1,2)
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Tổng Nitơ	mg/l	40
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
8	Tổng Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
9	Độ màu (Pt - Co)	mg/l	150
10	Chì (Pb)	mg/l	0,5
11	Sắt (Fe)	mg/l	5
12	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

##### ❖ Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: Trụ sở chi nhánh Nha Trang – Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (hiện nay là Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà) tại lô số 1, khu vực 2, đường 23/10, xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $108^{\circ} 15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ :  
 $X(m) = 1355390$ ;  $Y(m) = 599320$ .

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $15 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .
- Chế độ xả nước thải: xả liên tục.
- Phương thức xả nước thải: Bơm xả ra công thoát nước chung của thành phố Nha Trang phía trước cơ sở và tiếp tục tự chảy theo Hệ thống thoát nước chung của thành phố xả vào sông Quán Trường.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường của cơ sở không thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận là sông Quán Trường mà xả vào công thoát nước chung của khu vực, tiếp tục được dẫn đổ vào sông Quán Trường tại khu vực xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Chất lượng nước thải: giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,2$  - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp.

**2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải:** Không

**3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn**

**3.1. Nguồn phát sinh**

- Nguồn số 01: Hoạt động của các thiết bị, máy móc từ khu vực sửa chữa, bảo hành xe và khu vực HTXLNT tại tầng hầm.
- Nguồn số 02: Hoạt động của các thiết bị, máy móc từ khu vực sửa chữa, bảo hành xe tại tầng trệt.
- Nguồn số 03: Hoạt động của các thiết bị, máy móc từ khu vực sửa chữa, bảo hành xe tại tầng 1.

**3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $105^{\circ} 45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$  như sau:

STT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ
1	Khu vực sửa chữa, bảo hành xe và HTXLNT	$X = 1356981, Y = 0817071$
2	Khu vực sửa chữa, bảo hành xe tại tầng trệt	$X = 1356984, Y = 0817047$
3	Khu vực sửa chữa, bảo hành xe tại tầng 1	$X = 1356958, Y = 0817068$

**3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung**

- Đối với tiếng ồn: Giới hạn tối đa theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Khu vực
1	70	Khu vực thông thường

- Đối với độ rung: Giới hạn tối đa theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Khu vực
1	70	Khu vực thông thường

## Chương V

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

- Thời gian quan trắc định kỳ nước thải:
  - + Quý 1: Ngày 29/03/2022
  - + Quý 2: Ngày 17/05/2022
  - + Quý 3: Ngày 01/08/2022
  - + Quý 4: Ngày 26/10/2022
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần
- Vị trí các điểm quan trắc: Nước thải sau HTXL tại hố ga đầu ra.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,2$ .
- Số lượng mẫu quan trắc vượt chuẩn: Không có.
- Các thông số quan trắc như: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Sắt (Fe), Chì (Pb), TDS, độ màu, dầu mỡ động thực vật, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Kết quả quan trắc chất lượng nước thải:

Bảng 5.1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, $K_q = 0,9$ , $K_f = 1,2$
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1	pH	-	7,2	7,7	7,2	7,7	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	26	30	26	42	108
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	19	33	41	37	54
4	Tổng N	mg/L	18,3	16,7	19,2	18,1	43,2
5	Tổng P	mg/L	1,16	1,51	1,24	2,02	6,48
6	Sắt (Fe)	mg/L	0,2	0,28	0,21	0,24	5,4
7	Chì (Pb)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,54
8	TDS	mg/L	262	194	251	217	-
9	Độ màu	Pt -Co	25	65	78	60	150
10	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	< 1,0	<0,92	<0,92	<0,9 2	-
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	1,88	<1,09	1,19	<1,0 9	10,8
12	Coliform	MPN/100mL	1.700	2.400	2.700	2.700	5.000

(Nguồn: Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2022 của Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hòa)

**Nhận xét:** Dựa vào kết quả phân tích nước thải cho thấy hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đang hoạt động tốt. Các thông số quan trắc đều đạt tiêu chuẩn theo QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,2$  và đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn hiện hành. Do đó nước thải đầu ra hoàn toàn có thể xả ra nguồn tiếp nhận của khu vực.

(Phiếu kết quả phân tích chất lượng nước thải được đính kèm phụ lục)

## 2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

- Thời gian quan trắc định kỳ không khí:
  - + Quý 2: Ngày 17/05/2022
  - + Quý 4: Ngày 26/10/2022
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Vị trí các điểm quan trắc:
  - + K1: Khu vực công chính của cơ sở
  - + K2: Khu vực buồng phun sơn.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 03:2019/BYT.
- Số lượng mẫu quan trắc vượt chuẩn: Không có.
- Các thông số quan trắc như: Tiếng ồn, Bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, Toluene, Xylene, Benzene.
- Kết quả quan trắc chất lượng không khí: (tại bảng 5.2)

### ❖ Nhận xét:

Dựa vào kết quả quan trắc môi trường không khí ở bảng 5.2 cho thấy rằng các chỉ tiêu môi trường vi khí hậu, chỉ tiêu môi trường không khí tại thời điểm đo đều đạt quy chuẩn cho phép của QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT.

(Phiếu kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí được đính kèm phụ lục)

Bảng 5.2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thời gian quan trắc	Thông số quan trắc							
				Tiếng ồn (dBA)	Bụi (mg/m <sup>3</sup> )	CO (mg/m <sup>3</sup> )	NO <sub>2</sub> (mg/m <sup>3</sup> )	SO <sub>2</sub> (mg/m <sup>3</sup> )	Toluen (mg/m <sup>3</sup> )	Xylene (mg/m <sup>3</sup> )	Benzen (mg/m <sup>3</sup> )
1	Khu vực cổng chính cơ sở	KK1	Quý II	69,3	0,09	< 7,69	0,03	0,05	KPH	KPH	KPH
			Quý IV	57,4	0,08	< 7,69	0,05	0,04	KPH	KPH	KPH
2	Khu vực buồng phun sơn	KK2	Quý II	72,1	0,14	7,89	0,08	0,13	6,19	8,82	0,11
			Quý IV	59,3	0,11	7,94	0,07	0,13	6,02	7,17	0,09
<b>QCVN 26:2016/BYT</b>				--	<b>40 - 80</b>	--	--	--	--	--	--
<b>QCVN 24:2016/BYT</b>				≤ 85	--	--	--	--	--	--	--
<b>QCVN 05:2013/BTNMT</b>				--	<b>0,3</b>	<b>30</b>	<b>0,2</b>	<b>0,35</b>	--	--	--
<b>QCVN 26:2010/BTNMT</b>				≤ 70 (6h – 21h)	--	--	--	--	--	--	--
<b>QCVN 02:2019/BYT</b>				--	<b>8</b>	--	--	--	--	--	--
<b>QCVN 06:2009/BTNMT</b>				--	--	--	--	--	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
<b>QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)</b>				--	--	<b>40</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>15</b>

(Nguồn: Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2022 của Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Khánh Hoà)

❖ **Ghi chú:**

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Từ 6 giờ - 21 giờ).
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại tổng không khí.
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

## Chương VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở “Văn phòng đại diện kết hợp trung bày và bảo hành sản phẩm xe ô tô” đã được UBND tỉnh Khánh Hoà cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 17/08/2020.

Ngoài ra, trong Quý III/2023, cơ sở đã tiến hành cải tạo HTXLNT để đảm bảo chất lượng nước thải đạt chuẩn khi thải ra môi trường. Nội dung cải tạo bao gồm thay thế thiết bị, màng lọc, vệ sinh bồn bể chứ không thay đổi công suất, công nghệ, quy trình xử lý nước thải.

*(Đính kèm phụ lục: Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình)*

#### 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

##### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải định kỳ.

##### 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

##### 2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

a) Để kiểm soát chất lượng môi trường nước và đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống XLNT, chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc định kỳ nước thải như sau:

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau HTXL tại hố ga đầu ra.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Thông số quan trắc: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Sắt, Chì, TDS, Độ màu, Dầu mỡ ĐTV, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>f</sub> = 1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

b) Để kiểm soát chất lượng môi trường không khí, chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc định kỳ như sau:

- Vị trí quan trắc: + Khu vực cổng chính của cơ sở.  
+ Khu vực buồng phun sơn.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02
- Tần suất: 06 tháng/lần.
- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, Bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, Toluene, Xylene, Benzene.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 03:2019/BYT.

#### 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí dự kiến thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: 20.000.000 đồng.



## **Chương VII**

# **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm gần đây, cơ sở không có đợt thanh tra, kiểm tra nào khác hay trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường.

## **Chương VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

#### **1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường**

Chủ cơ sở “Văn phòng đại diện kết hợp trung bày và bảo hành sản phẩm xe ô tô” xin cam kết thực hiện các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết tuân thủ nghiêm túc luật pháp Việt Nam, Công ước Quốc tế về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam trong quá trình giám sát và bảo vệ môi trường.
- Chủ cơ sở cam kết sẽ thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm bảo đảm đạt giới hạn cho phép trước khi thải ra môi trường xung quanh.
- Giám sát việc phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về khu tập kết chất thải rắn.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn lao động, các biện pháp phòng chống sự cố cháy, nổ, sét, sự cố kỹ thuật như đã được đề xuất trong báo cáo.
- Đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của địa phương về an ninh xã hội.
- Cam kết thực hiện đầy đủ các hồ sơ pháp lý về môi trường, kế hoạch xây dựng, vận hành thử nghiệm và quản lý môi trường như đã trình bày trong báo cáo, đảm bảo tuân thủ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường của báo cáo đồng thời tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### **2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan**

##### **2.1. Cam kết đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam trong quá trình hoạt động cơ sở**

Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn môi trường Việt Nam và nghiêm túc thực hiện giám sát và kiểm soát môi trường, bao gồm:

- *Khí thải:* Khí thải phát sinh khu vực cơ sở đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- *Nước thải:* Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- *Độ ồn:* Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình xây dựng và hoạt động của cơ sở sẽ đạt: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- *Chất thải rắn:* Đảm bảo chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại khu vực cơ sở được thu gom định kỳ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- **Chất thải nguy hại:** Chất thải nguy hại phải được thu gom, quản lý theo đúng quy định. Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH với các đơn vị có chức năng theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **2.2. Cam kết thực hiện các luật pháp, các quy định chung về bảo vệ môi trường**

Chủ cơ sở cam kết thực hiện theo đúng các quy định tại:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10.
- Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012 Quốc hội ban hành Luật tài nguyên nước.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.
- Nghị định 55/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2021 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của của BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Chủ cơ sở phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương để tiến hành kiểm tra việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã trình bày trong Báo cáo này.
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động cơ sở.
- Chủ cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam các Tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Văn bản phê duyệt cam kết bảo vệ môi trường.
3. Giấy phép xây dựng.
4. Giấy phép xả nước thải.
5. Giấy ủy quyền.
6. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình.
7. Biên bản nghiệm thu thẩm duyệt PCCC.
8. Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý Chất thải rắn sinh hoạt.
9. Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.
10. Hợp đồng thuê đất.
11. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
12. Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường.
13. Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.
14. Hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải.
15. Hướng dẫn sử dụng phòng sơn saima.
16. Hoá đơn điện + nước tháng 7,8,9.
17. Bản vẽ mặt bằng tổng thể và phân khu chức năng.
18. Bản vẽ PCCC, chống sét.
19. Bản vẽ cấp thoát nước mưa, thoát nước thải.
20. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải.